

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

BÁO CÁO TÓM TẮT TỔNG KẾT
ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

NGHIÊN CỨU ĐỀ XUẤT NHÓM GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO
HIỆU QUẢ CỦA VIỆC THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN THEO HÌNH
THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ (PPP) TRONG ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
CƠ SỞ HẠ TẦNG KỸ THUẬT TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Mã số: B2017 - ĐN02 - 34

Chủ nhiệm đề tài: Th.S Phạm Thị Trang

Đà Nẵng, Tháng 6/2019

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

BÁO CÁO TÓM TẮT TỔNG KẾT
ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

NGHIÊN CỨU ĐỀ XUẤT NHÓM GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO HIỆU
QUẢ CỦA VIỆC THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN THEO HÌNH THỨC ĐỐI
TÁC CÔNG TƯ (PPP) TRONG ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG
KỸ THUẬT TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Mã số: B2017 - DN02 - 34

Chủ nhiệm đề tài: Th.S Phạm Thị Trang

Xác nhận của tổ chức chủ trì



PGS. TS. LÊ THỊ KIM OANH

Chủ nhiệm đề tài

(ký, họ tên)

Đà Nẵng, Tháng 6/2019

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
Đơn vị: ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN THAM GIA NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

1. Tên đề tài: *Nghiên cứu đề xuất nhóm giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của việc thực hiện các dự án theo hình thức đối tác công tư (PPP) trong đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật tại thành phố Đà Nẵng*
2. Mã số: **B2017 - ĐN02 - 34**
3. Chủ nhiệm đề tài: **Th.S. Phạm Thị Trang**
4. Tổ chức chủ trì: **Trường Đại học Bách Khoa – Đại học Đà Nẵng**
5. Danh sách thành viên của đề tài:

STT	Họ và tên, học vị, chức danh khoa học	Chuyên môn	Đơn vị công tác	Nhiệm vụ trong Hội đồng
1	<u>Th.S</u> Phạm Thị Trang	Quản lý xây dựng	Khoa Quản lý dự án, Trường Đại học Bách Khoa	Chủ nhiệm đề tài
2	PGS. TS Phan Cao Thọ	Cầu đường	Trường Sư phạm Kỹ thuật, Đại học Đà Nẵng	Thành viên
3	GS.TS Nguyễn Huy Thanh	Quản lý xây dựng	Trường Đại học Xây dựng	Thành viên

MỤC LỤC

TRANG PHỤ BÌA

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU, CÁC TỪ VIẾT TẮT.....	
DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU.....	
DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ.....	
THÔNG TIN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU.....	
MỞ ĐẦU.....	1
1. Tính cấp thiết của đề tài.....	1
2. Mục đích và mục tiêu nghiên cứu.	3
3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu.....	3
4. Phương pháp nghiên cứu.....	4
5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài.....	4
6. Kết cấu của đề tài.....	5
CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG KỸ THUẬT THEO HÌNH THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ (PPP).....	7
1.1. Tổng quan về các công trình nghiên cứu ở nước ngoài.....	7
1.2. Tổng quan về các công trình nghiên cứu ở trong nước.....	8
CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG KỸ THUẬT THEO HÌNH THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ (PPP).....	10
2.1. Cơ sở lý luận về cơ sở hạ tầng kỹ thuật.....	10
2.2. Cơ sở lý luận về hình thức đối tác công tư (PPP).....	10
CHƯƠNG 3: THỰC TRẠNG THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG KỸ THUẬT THEO HÌNH THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ (PPP) TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG.....	15
3.1. Thực trạng triển khai hình thức đối tác công tư trong dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật trên thế giới và tại Việt Nam.....	15
3.2. Thực trạng triển khai hình thức đối tác công tư trong dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật tại Đà Nẵng.....	15
3.3. Thực trạng hệ thống pháp luật, cơ chế chính sách về hình thức PPP tại Việt Nam.....	17
3.4. Thực trạng nhận thức về hình thức PPP trong đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật tại thành phố Đà Nẵng.....	17
3.5. Thực trạng công tác quản lý rủi ro trong dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật theo hình thức đối tác công tư (PPP) tại thành phố Đà Nẵng.....	211

3.6. Nhân tố ảnh hưởng đến việc triển khai thực hiện có hiệu quả dự án PPP trong ĐTXD CSHTKT tại thành phố Đà Nẵng.....	22
CHƯƠNG 4: GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG KỸ THUẬT THEO HÌNH THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ (PPP) TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG.....	23
4.1. Một số giải pháp chung nhằm nâng cao hiệu quả quá trình thực hiện dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật theo hình thức PPP.....	23
4.2. Giải pháp cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả quá trình thực hiện dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật theo hình thức PPP.....	24
4.3. Ứng dụng công nghệ thông tin nhằm nâng cao hiệu quả của việc thực hiện dự án PPP trong đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật tại thành phố Đà Nẵng.....	31
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	37
1. Kết luận.....	37
2. Kiến nghị.....	37
3. Hướng phát triển của Đề tài.....	38

DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU, CÁC TỪ VIẾT TẮT

T	TỪ VIẾT TẮT	DIỄN GIẢI	
Tiếng Việt			
1	CNTT	Công nghệ thông tin	
2	CSHT	Cơ sở hạ tầng	
3	CSHTKT	Cơ sở hạ tầng kỹ thuật	
4	CSHTGT	Cơ sở hạ tầng giao thông	
5	CSHT GTDB	Cơ sở hạ tầng giao thông đường bộ	
6	DAĐT XD	Dự án đầu tư xây dựng	
7	DNDA	Doanh nghiệp dự án	
8	ĐT XD	Đầu tư xây dựng	
9	ĐKĐT	Đăng ký đầu tư	
10	HDND	Hội đồng nhân dân	
11	HSMT	Hồ sơ mời thầu	
12	HSMST	Hồ sơ mời thầu sơ tuyển	
13	HSDST	Hồ sơ dự sơ tuyển	
14	HSDT	Hồ sơ dự thầu	
15	NCKT	Nghiên cứu khả thi	
16	NDT	Nhà đầu tư	
17	NDRR	Nhận dạng rủi ro	
18	PBRR	Phân bố rủi ro	
19	PLRR	Phân loại rủi ro	
20	PTRR	Phân tích, đánh giá rủi ro	
21	QLDA	Quản lý dự án	
22	QLRR	Quản lý rủi ro	
23	RR	Rủi ro	
24	UBND	Ủy ban nhân dân	
Tiếng Anh			
25	AHP	Analytic Hierarchy Process	Phân tích thứ bậc
26	BOT	Build - Operate - Transfer	Xây dựng - vận hành - chuyển giao
27	BOO	Build - Own - Operate	Xây dựng - sở hữu - vận hành
28	BT	Build - Transfer	Xây dựng - Chuyển giao
29	BLT	Build - Lease - Transfer	Xây dựng - Thuê dịch vụ - Chuyển giao
30	BTO	Build - Transfer - Operate	Xây dựng - chuyển giao - vận hành
31	BTL	Build - Transfer - Lease	Xây dựng - Chuyển giao - Thuê dịch vụ
32	DBFO	Design- Build - Finance - Operate	Thiết kế - xây dựng - tài trợ - vận hành
33	F	Franchise	Nhượng quyền khai thác
34	NPV	Net Present Value	Giá trị hiện tại thuần
35	ODA	Official Development Assistance	Vốn hỗ trợ phát triển chính thức
36	O&M	Operate - Manager	Kinh doanh - Quản lý
37	PP	Payback Period	Thời gian hoàn vốn
38	PPP	Public Private Partnership	Đồng tác công tư
39	IRR	Internal Rate of Return	Suất sinh lợi nội tại
40	SPSS	Statistical Product and Services Solutions	Giải pháp sản phẩm và dịch vụ thống kê

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 3.1. Bảng tổng hợp nhu cầu vốn xây dựng CSHT ở thành phố Đà Nẵng.....	16
Bảng 3.2. Bảng tổng hợp kết quả nghiên cứu về QLRR trong DAĐTXD CSHTKT theo hình thức PPP ở thành phố Đà Nẵng.....	22
Bảng 4. 1. Bảng tổng hợp tiêu chí đánh giá lựa chọn dự án theo hình thức PPP.....	26

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

Hình 3.1. Khung pháp luật điều chỉnh hình thức PPP.....	17
Hình 4.1. Quy trình hướng dẫn triển khai thực hiện dự án PPP trong DAĐT XD CSHTKT tại thành phố Đà Nẵng.....	25
Hình 4.2. Quy trình hướng dẫn lựa chọn dự án thực hiện theo hình thức PPP.....	26
Hình 4.3. Quy trình hướng dẫn thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư xây dựng theo hình thức PPP.....	27
Hình 4.4 Quy trình hướng dẫn đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng CSHTKT theo hình thức PPP.....	28
Hình 4.5. Sơ đồ quy trình kiểm thử phần mềm lựa chọn thời điểm chuyển nhượng dự án BOT.....	36

***Thông tin kết quả nghiên cứu đề tài khoa học và công nghệ cấp Đại học
Đà Nẵng***

**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA**

THÔNG TIN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Thông tin chung:

- Tên đề tài:

Nghiên cứu đề xuất nhóm giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của việc thực hiện các dự án theo hình thức đối tác công tư (PPP) trong đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật tại thành phố Đà Nẵng

- Mã số: **B2017 - ĐN02 - 34**

- Chủ nhiệm đề tài: **Th.S. Phạm Thị Trang**

- Tổ chức chủ trì: **Trường Đại học Bách Khoa – Đại học Đà Nẵng**

- Thời gian thực hiện: **5/2017 – 5/2019**

2. Mục tiêu: Đề tài nghiên cứu đề xuất các giải pháp nhằm pháp nhằm nâng cao hiệu quả của việc thực hiện các dự án theo hình thức đối tác công tư (PPP) trong đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật tại thành phố Đà Nẵng, góp phần thu hút hình thức đầu tư này cho sự phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật của thành phố Đà Nẵng. Để đạt được mục đích nghiên cứu, đề tài đặt ra các mục tiêu cần đạt được theo quá trình nghiên cứu như sau:

(1) Hệ thống hóa, làm rõ và bổ sung cơ sở lý luận về hình thức PPP trong dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật

(2) Phân tích thực trạng về việc triển khai thực hiện dự án PPP trong đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật tại thành phố Đà Nẵng

(3) Phân tích nhân tố ảnh hưởng đến việc thực hiện dự án PPP trong đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật tại thành phố Đà Nẵng

(4) Đề xuất giải pháp có tính khoa học và khả thi nhằm nâng cao hiệu quả của việc thực hiện các dự án theo hình thức đối tác công tư (PPP) trong đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật tại thành phố Đà Nẵng

(5) Đề xuất nghiên cứu ứng dụng mô hình định lượng và ứng dụng công nghệ thông tin để xây dựng phần mềm hỗ trợ nhằm quản lý có hiệu quả trong dự án trong đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật theo hình thức đối tác công tư (PPP)

3. Tính mới và sáng tạo:

Đề tài có những điểm mới đóng góp cơ sở lý luận và thực tiễn về triển khai thực hiện dự án trong đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật theo hình thức PPP tại thành phố Đà Nẵng. Đề tài đã giải quyết được một số nội dung như sau:

Một là, Phân tích thực trạng công tác triển khai thực hiện dự án PPP trong dự án trong đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật theo hình thức PPP tại Việt nam nói chung và thành phố Đà Nẵng nói riêng

Hai là, Đề xuất giải pháp có tính khoa học và khả thi nhằm hoàn thiện công tác triển khai thực hiện dự án trong đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật theo hình thức PPP tại thành phố Đà Nẵng

Ba là, Nghiên cứu đề xuất xây dựng phần mềm ứng dụng để quản lý dự án có hiệu quả trong dự án trong đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật theo hình thức đối tác công tư

4. Kết quả nghiên cứu:

Đề tài trên cơ sở hệ thống hóa, làm rõ và bổ sung cơ sở lý luận về dự án thực hiện theo hình thức đối tác công tư (PPP). Đề tài đã phân tích thực trạng của việc nghiên cứu và triển khai hình thức PPP ở trong nước và ngoài nước; Tiến hành điều tra khảo sát để xác định nhận thức, nhu cầu về đầu tư theo hình thức PPP tại thành phố Đà Nẵng, tìm hiểu nguyên nhân thất bại trong việc thực hiện các dự án trong đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật theo hình thức PPP tại thành phố Đà Nẵng, trên cơ sở đó xây dựng nhóm giải pháp và xây dựng phần mềm hỗ trợ nhằm nâng cao hiệu quả trong việc thực hiện các dự án PPP, góp phần tạo sự an tâm và kích thích các nhà đầu tư quan tâm, thu hút thêm nguồn

vốn cho thành phố để giải quyết bài toán về vốn trong đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật tại thành phố Đà Nẵng, góp phần tạo nên sự phát triển cho các ngành có liên quan

5. Sản phẩm:

TT	Tên sản phẩm	Số lượng	Yêu cầu khoa học
1	Báo cáo đăng tạp chí trong nước	02	Đăng trên tạp chí trong danh mục thực danh GS, PGS
2	Báo cáo tổng kết đề tài	01	+ Đề xuất nhóm giải pháp + Xây dựng phần mềm hỗ trợ
3	Hỗ trợ đào tạo nghiên cứu sinh	01	Báo cáo chuyên đề của nghiên cứu sinh
4	Chương trình máy tính	01	Phần mềm hỗ trợ ra quyết định nhằm nâng cao hiệu quả trong quá trình thực hiện dự án PPP trong đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật

6. Phương thức chuyển giao, địa chỉ ứng dụng, tác động và lợi ích mang lại của kết quả nghiên cứu:

Nghiên cứu sẽ là tài liệu tham khảo phục vụ cho công tác nghiên cứu, đào tạo trong các lĩnh vực liên quan

Kết quả đề tài được kiểm nghiệm áp dụng cho các phòng Quản lý xây dựng thuộc các Sở Ban Ngành tại thành phố Đà Nẵng như Sở Kế hoạch Đầu tư, Sở Tài chính, Sở xây dựng, v.v và các Nhà đầu tư dự án PPP

Địa chỉ áp dụng chương trình phần mềm: Các phòng Quản lý xây dựng thuộc các Sở Ban Ngành tại thành phố Đà Nẵng như Sở Kế hoạch Đầu tư, Sở Tài chính, Sở xây dựng, v.v. và các Nhà đầu tư dự án PPP

Ngày 10 tháng 06 năm 2019

Chủ nhiệm đề tài

(Ký, họ và tên)



INFORMATION ON RESEARCH RESULTS

1. General information:

Project title:

*Research and propose solutions
in order to improve the effectiveness of implementing projects in the form
of public - private - partnership (PPP) in investment in the construction
of technical infrastructure
in Da Nang city*

Code number: **B2017 - ĐN02 - 34**

Coordinator: **MSc Pham Thi Trang**

Implementing institution: **University of Science and technology, The
University of Da Nang**

Duration: from May 2017 to May 2019

2. Objective(s):

The thesis proposes solutions to improve the effectiveness of implementing projects in the form of public-private partnerships (PPP) in investment in the construction of technical infrastructure in Da Nang city, contributing to attractive this form of investment for the technical infrastructure development of Da Nang city. To achieve the purpose of the study, the topic sets the goals to be achieved according to the research process as follows:

(1) Systematizing, clarifying and supplementing theoretical basis for PPP form in investment project of technical infrastructure construction

(2) Analysis of the status of the implementation of PPP projects in investment in technical infrastructure construction in Da Nang city

(3) Analysis of factors affecting the implementation of PPP projects in the construction of technical infrastructure in Danang City

(4) Proposing a scientific and feasible solution to improve the effectiveness of implementing projects in the form of public private partnerships (PPP) in investment in the construction of technical infrastructure in the city. Danang

(5) Proposing research and application of quantitative model and information technology application to build supporting software to effectively manage projects in investment in construction of technical infrastructure in the form of Public-Private Partnership (PPP)

3. Creativeness and innovativeness:

The thesis has new points contributing to the theoretical and practical basis for implementing projects in investment in construction of technical infrastructure in the form of PPP in Da Nang city. The topic has solved some contents as follows:

Firstly, analyzing the status of the implementation of PPP projects in the project in the construction of technical infrastructure in the form of PPP in Vietnam in general and Da Nang city in particular.

Secondly, Proposing a scientific and feasible solution to improve the implementation of the project in investment in the construction of technical infrastructure in the form of PPP in Da Nang city

Thirdly, study and propose the construction of application software for effective project management in projects in the construction of technical infrastructure in the form of public-private partnerships.

4. Research results:

The topic on the basis of systematizing, clarifying and supplementing the theoretical basis of the project implemented in the form of public-private partnerships (PPP). The thesis analyzed the status of the research and implementation of PPP forms at home and abroad; Conduct surveys to determine the awareness and demand for investment in PPP form in Da Nang city, find out the reasons for failing to implement projects in investment in infrastructure construction. In the form of PPP in Da Nang city, based on that, build a solution group and build supporting software to improve the efficiency in implementing PPP projects, contributing to creating peace of mind and stimulation. Investors are interested in attracting more capital for the city to solve the problem of capital in the construction of technical infrastructure in Da Nang city, contributing to the development of industries with relate to.

5. Products:

order	Product's name	Amount	Scientific requirements
1	Articles published in The magazines in national	02	Published in magazines in the title list GS, Assoc
2	Final report	01	+ Proposing a group of solutions + Building support software
3	Support for training graduate students	01	Thematic report of PhD student

4	Computer Programs	01	Decision support software to improve efficiency in the implementation of PPP projects in investment in technical infrastructure construction

6. Transfer alternatives, application institutions, impacts and benefits of research results:

The research will be a reference for research and training in related fields.

The results of the project are proposed to be applied to the Construction Management Departments of the Departments and Departments in Danang City such as the Department of Planning and Investment, the Department of Finance, the Department of Construction, etc. and PPP Project Investors.

Address of software program application: Construction Management Departments of Departments and Departments in Da Nang City such as Department of Planning and Investment, Department of Finance, Department of Construction, etc. and PPP project investors

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Hình thức đối tác công tư (PPP) được xem là một trong những công cụ hữu hiệu để Nhà nước có được CSHT cần thiết phục vụ lợi ích công và phát triển kinh tế - xã hội. Tầm quan trọng của hình thức hợp tác này đã được khẳng định không chỉ ở các nước Châu Âu mà còn cả ở các nước ASEAN và nhiều nước khác trên thế giới, đặc biệt đối với các nước đang phát triển, hình thức PPP được xem là công cụ cải cách quan trọng lĩnh vực quản lý công. Đây là hình thức hợp tác tối ưu hóa hiệu quả đầu tư và cung cấp dịch vụ công cộng chất lượng cao, sử dụng được kỹ năng, công nghệ hiện đại và tính hiệu quả trong quản lý của khu vực tư nhân; buộc khu vực nhà nước ngay từ đầu phải chú trọng vào đầu ra và lợi ích; đưa vốn tư nhân vào và giúp giảm nhẹ gánh tài chính cho dự án; rủi ro được chia sẻ giữa các đối tác khác nhau...

Ngày nay, nhu cầu về đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật tại Việt Nam nói chung và thành phố Đà Nẵng nói riêng đang ngày càng tăng nhanh cả về quy mô, lĩnh vực với sự tham gia rộng rãi của toàn xã hội. Cơ sở hạ tầng kỹ thuật hiện đại, vững chắc, đồng bộ và đầy đủ ngày càng quan trọng, đóng góp vào các hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư của nền kinh tế cũng như cuộc sống của nhân dân. Tuy nhiên, việc đầu tư vào cơ sở hạ tầng kỹ thuật lại đòi hỏi nguồn vốn khổng lồ, vượt quá khả năng của Nhà nước

Do vậy, hình thức đối tác công tư đối với đầu tư phát triển nói chung, đặc biệt với đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật nói riêng được xem là một kênh huy động vốn chủ yếu trong tương lai, góp phần làm giảm được gánh nặng cũng như rủi ro đối với ngân sách Nhà nước. Đó là một trong những công cụ hữu hiệu để Nhà nước có được cơ sở hạ tầng cần thiết phục vụ lợi ích công và phát triển kinh tế - xã hội

Thực tế trong thời gian qua, việc huy động các nguồn vốn tham gia đầu tư vào cơ sở hạ tầng kỹ thuật tại thành phố Đà Nẵng đã được thực hiện nhiều công trình dưới hình thức hợp đồng chủ yếu là BT, xét về mặt phát triển lâu dài thì việc đầu tư các dự án theo hình thức BT sẽ không tồn tại bền vững khi quỹ đất trở nên ngày càng hạn chế. Trong khi đó, khung pháp lý cũng như cơ chế vẫn chưa khuyến khích được tư nhân cùng tham gia đầu tư vào lĩnh vực này do quá trình phê duyệt và cấp phép còn nhiều phức tạp,

mức thu hồi vốn thấp, vai trò trách nhiệm của bên Nhà nước cũng như tư nhân còn thiếu rõ ràng, các nhà đầu tư tư nhân phải đối mặt với nhiều rủi ro như: RR đầu thầu, RR đàm phán, RR xây dựng, RR triển khai thực hiện và RR từ Chính phủ, một số nhà đầu tư dự án BOT đề nghị trả lại dự án trước thời hạn vì việc thu phí không đủ trả nợ. Do đó, nếu được triển khai thực hiện có hiệu quả, hình thức PPP có khả năng giảm bớt RR, đặc biệt trong các giai đoạn ban đầu có thể sàng lọc được các dự án không phù hợp và ưu tiên hơn vào các dự án chất lượng cao hơn, góp phần tạo động lực thúc đẩy hình thức PPP phát triển nhanh hơn. Chính những tác động không ổn định từ môi trường xung quanh và sự điều chỉnh nội tại của dự án dẫn đến phải thay đổi nhiều tiêu chí cơ bản được dự tính ban đầu và làm thay đổi hiệu quả của dự án. Đó chính là sự tồn tại của rủi ro đối với dự án đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật theo hình thức đối tác công tư tại thành phố Đà Nẵng.

Rủi ro xuất hiện khi tồn tại đồng thời hai yếu tố cơ bản: yếu tố gây rủi ro và đối tượng chịu tác động, chịu ảnh hưởng. Các rủi ro thường gây ra những tổn thất đòi hỏi phải tốn kém những khoản chi phí để khắc phục đồng thời làm giảm hiệu quả của dự án, hạn chế khả năng huy động vốn và không kích lệ nhà đầu tư. Việc sớm chủ động nhận thức được tầm quan trọng của việc QLDA nói chung và công tác QLRR nói riêng sẽ góp phần giảm thiểu tác động của RR đối với các dự án PPP tại thành phố Đà Nẵng, nâng cao hiệu quả của việc thực hiện các dự án PPP, phục vụ tốt công tác quản lý đầu tư và xây dựng dự án cơ sở hạ tầng kỹ thuật tại thành phố Đà Nẵng

Từ thực tế này, đòi hỏi thành phố Đà Nẵng có trách nhiệm cần nỗ lực nhiều hơn nữa, cần có định hướng và có giải pháp hợp lý để sớm hiện thực hóa hình thức huy động vốn này vào đời sống bằng những nhóm giải pháp cụ thể như cần có "hợp đồng hiệu quả" để tăng giá trị vốn đầu tư và tạo "môi trường thuận lợi" để thu hút các nhà đầu tư tiềm năng vào dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật theo hình thức PPP tại thành phố Đà Nẵng

Xuất phát từ thực trạng trên, việc nghiên cứu lựa chọn đề tài: *“Nghiên cứu đề xuất nhóm giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của việc thực hiện các dự án theo hình thức đối tác công tư (PPP) trong đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật tại thành phố Đà Nẵng”* là thực sự cần thiết nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển cho thành phố Đà Nẵng trong giai đoạn

hiện nay và trong tương lai phù hợp với định hướng chiến lược phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật của thành phố Đà Nẵng nói riêng và của Việt Nam nói chung.

Nghiên cứu này sẽ góp phần nâng cao tính khả thi và hiệu quả của việc thực hiện các dự án PPP tại thành phố Đà Nẵng, đồng thời giảm thiểu được rủi ro trong quá trình thực hiện các dự án đó, qua đó tạo động lực để kích thích và thu hút các nhà đầu tư tiềm năng, góp phần vào sự nghiệp phát triển của thành phố Đà Nẵng nói riêng và của Việt Nam nói chung.

2. Mục đích và mục tiêu nghiên cứu.

- **Mục đích nghiên cứu:** Đề tài nghiên cứu đề xuất các giải pháp nhằm pháp nhằm nâng cao hiệu quả của việc thực hiện các dự án theo hình thức đối tác công tư (PPP) trong đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật tại thành phố Đà Nẵng, góp phần thu hút hình thức đầu tư này cho sự phát triển CSHTKT của thành phố Đà Nẵng.

- **Mục tiêu nghiên cứu:** Để đạt được mục đích nghiên cứu, đề tài đặt ra các mục tiêu cần đạt được theo quá trình nghiên cứu như sau:

(1) Hệ thống hóa, làm rõ và bổ sung cơ sở lý luận về hình thức PPP trong DAĐTĐXD CSHTKT

(2) Phân tích thực trạng về việc triển khai thực hiện dự án PPP trong ĐTXD CSHTKT tại thành phố Đà Nẵng

(3) Phân tích nhân tố ảnh hưởng đến việc thực hiện dự án PPP trong ĐTXD CSHTKT tại thành phố Đà Nẵng

(4) Đề xuất giải pháp có tính khoa học và khả thi nhằm nâng cao hiệu quả của việc thực hiện các dự án theo hình thức đối tác công tư (PPP) trong đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật tại thành phố Đà Nẵng

(5) Đề xuất nghiên cứu ứng dụng mô hình định lượng và ứng dụng công nghệ thông tin để xây dựng phần mềm hỗ trợ nhằm quản lý có hiệu quả trong dự án trong đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật theo hình thức đối tác công tư (PPP)

3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

- **Đối tượng nghiên cứu:** Nghiên cứu quá trình triển khai thực hiện dự án PPP trong ĐTXD CSHTKT theo hình thức đối tác công tư tại thành phố Đà Nẵng

- **Phạm vi nghiên cứu:**

+ Đối tượng chịu quản lý: Dự án đầu tư xây dựng CSHTKT theo hình thức đối tác công tư

+ Nội dung: Nghiên cứu vấn đề về thực trạng thực hiện dự án PPP tại thành phố Đà Nẵng trong ĐTXD CSHTKT, qua đó đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện dự án PPP trong đầu tư xây dựng CSHTKT tại thành phố Đà Nẵng

+ Không gian: Nghiên cứu được thực hiện tại Thành phố Đà Nẵng

+ Thời gian: Nghiên cứu thực trạng thực hiện dự án PPP tại thành phố Đà Nẵng từ 2009 đến nay. Đề xuất giải pháp phù hợp định hướng phát triển đến 2030 của thành phố Đà Nẵng

4. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu thực hiện đề tài, tác giả đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu chung như phương pháp luận duy vật biện chứng, duy vật lịch sử, kết hợp các phương pháp định tính và định lượng, Các phương pháp nghiên cứu cụ thể như: phương pháp so sánh - phân tích - tổng hợp, phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng. Những phương pháp nghiên cứu cụ thể như sau:

- Phương pháp so sánh, phân tích, tổng hợp: tác giả sử dụng phương pháp so sánh, phân tích, tổng hợp các kết quả nghiên cứu, các quan điểm khoa học, các tài liệu lý thuyết, lý luận có liên quan.

- Phương pháp nghiên cứu định tính: trong đề tài này, tác giả đã sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính làm cơ sở để phân tích định lượng. Nghiên cứu định tính là hướng tiếp cận nhằm thăm dò, mô tả và giải thích dựa vào các phương tiện khảo sát kinh nghiệm, thu thập dữ liệu thứ cấp thông qua các nghiên cứu có tính tương tự.

- Phương pháp nghiên cứu định lượng: Nghiên cứu định lượng là nghiên cứu sử dụng các phương pháp (chủ yếu là thống kê) để lượng hóa, đo lường, phản ánh và diễn giải mối quan hệ giữa các nhân tố (các biến) với nhau. Trong đề tài, tác giả đã sử dụng phương pháp khảo sát chuyên gia và khảo sát các bên có liên quan trong ĐAĐTXD theo hình thức PPP tại thành phố Đà Nẵng.

5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài.

- Ý nghĩa khoa học của đề tài:

Đề tài trên cơ sở hệ thống hóa, làm rõ và bổ sung cơ sở lý luận về dự án thực hiện theo hình thức đối tác công tư (PPP). Đề tài đã phân tích thực

trạng của việc nghiên cứu và triển khai hình thức PPP ở trong nước và ngoài nước; Tiến hành điều tra khảo sát để xác định nhận thức, nhu cầu về đầu tư theo hình thức PPP tại thành phố Đà Nẵng, tìm hiểu nguyên nhân thất bại trong việc thực hiện các DAĐTXD theo hình thức PPP tại thành phố Đà Nẵng, trên cơ sở đó xây dựng nhóm giải pháp và xây dựng phần mềm hỗ trợ nhằm QLDA có hiệu quả trong việc thực hiện các dự án PPP, góp phần tạo sự an tâm và kích thích các nhà đầu tư quan tâm, thu hút thêm nguồn vốn cho thành phố để giải quyết bài toán về vốn trong ĐTXD CSHTKT tại thành phố Đà Nẵng, góp phần tạo nên sự phát triển cho các ngành có liên quan.

- Ý nghĩa thực tiễn của đề tài

Nghiên cứu và hệ thống hóa, cung cấp những lý luận về DAĐTXD CSHTKT thực hiện theo hình thức PPP.

Góp phần xây dựng cơ sở dữ liệu, hoàn chỉnh công cụ phân tích đánh giá nhằm giúp cơ quan quản lý Nhà nước đưa ra quyết sách đúng đắn nhờ tính chính xác của CNTT. Trang bị cơ sở khoa học để giúp cho thành phố Đà Nẵng hiện thực hóa được việc ĐTXD CSHTKT theo hình thức PPP, thực hiện dự án PPP một cách có hiệu quả.

Là tài liệu phục vụ cho công tác nghiên cứu, đào tạo trong các lĩnh vực liên quan.

Địa chỉ áp dụng các đề xuất của Đề tài: Các phòng Quản lý xây dựng thuộc các Sở Ban Ngành tại thành phố Đà Nẵng như sở Kế hoạch Đầu tư, sở Tài chính, Sở xây dựng, v.v và các Nhà đầu tư dự án PPP

Địa chỉ áp dụng chương trình phần mềm: Các phòng Quản lý xây dựng thuộc các Sở Ban Ngành tại thành phố Đà Nẵng như sở Kế hoạch Đầu tư, sở Tài chính, Sở xây dựng, v.v. và các Nhà đầu tư dự án PPP

6. Kết cấu của đề tài

Ngoài mở đầu, kết luận – kiến nghị, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, Đề tài gồm có 4 chương:

Chương 1: TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG KỸ THUẬT THEO HÌNH THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ (PPP)

Chương 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG KỸ THUẬT THEO HÌNH THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ (PPP)

Chương 3: THỰC TRẠNG THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG KỸ THUẬT THEO HÌNH THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ (PPP) TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Chương 4: GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG KỸ THUẬT THEO HÌNH THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ (PPP) TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG KỸ THUẬT THEO HÌNH THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ (PPP)

1.1. Tổng quan về các công trình nghiên cứu ở nước ngoài

Hình thức PPP đã, đang và tiếp tục là mối quan tâm của rất nhiều nhà nghiên cứu trên thế giới khi mà nhu cầu phát triển CSHTKT đang là mối quan tâm của nhiều nước trên toàn cầu. Thị trường thực hiện dự án theo hình thức PPP ở các nước phát triển bao gồm Canada, Úc, U.K và Mỹ đã phát triển nhanh chóng thông qua sự gia tăng trong cam kết đầu tư của khu vực tư nhân. Bên cạnh đó, rất ít các nước đang phát triển đã thu hút được một số lớn khoản đầu tư của tư nhân trong thực hiện dự án theo hình thức PPP, các nước trong khu vực Đông Á và Thái Bình Dương (EAP), Trung Đông, Bắc Phi (MENA) và Tiểu vùng Sahara Châu Phi (SSA) đã thu hút ít nhất số lượng đầu tư của tư nhân vào thị trường đầu tư theo hình thức PPP của họ.

Có rất nhiều nhà nghiên cứu đã nghiên cứu các DAĐTXD CSHT theo hình thức PPP với những mục đích và mức độ khác nhau trên cả phương diện lý luận và thực tiễn. Các nghiên cứu tập trung vào 2 hướng chính, đó là nghiên cứu thực nghiệm (*nghiên cứu sử dụng bằng chứng thực nghiệm thông qua việc quan sát hoặc kinh nghiệm trực tiếp và gián tiếp*) và nghiên cứu phi thực nghiệm (*nghiên cứu thông qua việc sử dụng các mô hình để phân tích và đánh giá các vấn đề*), với 4 xu thế phổ biến: nghiên cứu nhân tố thành công của dự án PPP, nghiên cứu về mặt tài chính của dự án PPP, nghiên cứu rủi ro của dự án PPP và nghiên cứu thời gian chuyển nhượng của dự án PPP.

QLRR cũng là vấn đề nghiên cứu đang được quan tâm trên thế giới. Các nghiên cứu trên thế giới đã phát triển được các mô hình nhằm QLRR cho các dự án thực hiện theo hình thức PPP, mặt khác, hình thức PPP cũng đã được tiến hành nghiên cứu về NDRR, PTRR, PBRR, qua đó xây dựng các chiến lược giảm thiểu rủi ro phù hợp.

Tất cả các nghiên cứu trên thế giới, bên cạnh việc phân tích, nhận dạng nhân tố thành công quan trọng của dự án CSHT theo hình thức PPP nói chung và DAĐTXD CSHTKT nói riêng, một số nghiên cứu khác lại tập trung vào việc xây dựng mô hình để giải quyết các vấn đề trong quá trình thực hiện dự án PPP.

Hầu hết các nghiên cứu trên thế giới phần lớn tập trung vào việc nghiên cứu hình thức PPP trong DAĐT XD CSHT nói chung, có ít các nghiên cứu liên quan đến DAĐT XD CSHTKT nói riêng, do vậy nghiên cứu của Đề tài là thực sự rất cần thiết.

1.1. Tổng quan về các công trình nghiên cứu ở trong nước

Qua các công trình nghiên cứu ở trong nước, tác giả nhận thấy rằng, hình thức PPP đã, đang và tiếp tục là mối quan tâm không chỉ ở ngoài nước mà còn là mối quan tâm của Việt Nam nói chung và thành phố Đà Nẵng nói riêng khi mà nhu cầu phát triển CSHTKT đang ngày càng tăng cao.

Hầu hết các nghiên cứu trong nước chỉ tập trung nghiên cứu các vấn đề sau:

- + Nghiên cứu tìm hiểu kinh nghiệm thế giới về triển khai thực hiện hình thức và rút ra bài học cho Việt Nam

- + Nghiên cứu đã phân tích thực trạng để đưa ra đề xuất nhằm thúc đẩy hình thức PPP

- + Nghiên cứu tổng hợp ở mức chuyên sâu thông qua việc phân tích thực trạng, tìm hiểu kinh nghiệm thế giới và đề xuất giải pháp triển khai thực hiện hình thức PPP tại Việt Nam

Các nghiên cứu về rủi ro và quản lý rủi ro liên quan đến DAĐT XD CSHTKT theo hình thức PPP rất ít được các tác giả quan tâm nghiên cứu

Như vậy, hầu hết các nghiên cứu trong nước đều nghiên cứu dựa trên nền tảng nghiên cứu các văn bản pháp quy hiện hành; một số khác lại nghiên cứu dựa trên nền tảng cơ sở lý luận chung về hình thức đối tác công tư, nghiên cứu kinh nghiệm của một số nước và ứng dụng vào Việt Nam. Chỉ có một số rất ít tác giả nghiên cứu việc NDRR và PBRR nhưng chỉ tập trung vào dự án giao thông thực hiện theo hình thức PPP. Vấn đề QLRR trong DAĐT XD CSHTKT theo hình thức PPP tại Việt Nam nói chung và thành phố Đà Nẵng nói riêng chưa được quan tâm nghiên cứu.

Tại thành phố Đà Nẵng, trong phạm vi sự hiểu biết của tác giả, chưa có công trình nghiên cứu nào nghiên cứu đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện DAĐT XD CSHTKT theo hình thức PPP. Chỉ mới có luận văn thạc sỹ của Phạm Đình Thành Hoàng (2016) nghiên cứu vấn đề có liên quan đến hình thức PPP với tên đề tài: Xây dựng bộ tiêu chí phục vụ lựa chọn dự án giao thông đầu tư theo hình thức đối tác công tư PPP. Một số luận văn thạc sỹ khác thì chỉ tập trung vào việc nghiên cứu các văn bản

pháp quy có liên quan đến hình thức PPP như nghiên cứu Nghị định 108/2009/NĐ-CP, Quyết định số 71/2010/QĐ – TTg, Luật Đấu thầu 43/2013/QH13, Nghị định 15/2015/NĐ – CP về đầu tư theo hình thức đối tác công tư và nghị định 30/2015/NĐ – CP về lựa chọn nhà đầu tư qua đó đề xuất giải pháp phù hợp. Chưa có công trình nghiên cứu ở mức chuyên sâu về hình thức PPP tại thành phố Đà Nẵng

CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG KỸ THUẬT THEO HÌNH THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ (PPP)

2.1. Cơ sở lý luận về cơ sở hạ tầng kỹ thuật

CÁC THÀNH TỐ



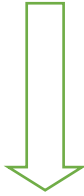
VAI TRÒ

- + Hệ thống công trình giao thông - vận tải
- + Hệ thống công trình cung cấp và xử lý nước dùng làm nước sinh hoạt và nước phục vụ công nghiệp và mạng nước thải.
- + Các hệ thống công trình quản lý vệ sinh và chất thải bao gồm việc giải quyết và hủy bỏ các loại rác độc hại.
- + Hệ thống công trình phát triển và phân phối năng lượng dùng trong sinh hoạt và công nghiệp.
- + Hệ thống công trình thông tin liên lạc từ các dịch vụ điện thoại đến thông tin viễn thông

- + CSHTKT đóng một vai trò trọng yếu trong đời sống kinh tế, xã hội của đô thị, là động lực để đô thị phát triển,
 - + Tạo mạng lưới cơ sở vật chất để cung cấp cho dân cư và các tổ chức trong đô thị, đáp ứng yêu cầu sản xuất, sinh hoạt của đô thị
 - + CSHTKT là một hệ thống công trình phức hợp, trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia vào quá trình sản xuất, sinh hoạt của xã hội, gắn chặt với đối tượng mà hệ thống phục vụ.

2.2. Cơ sở lý luận về hình thức đối tác công tư (PPP)

2.2.1. MỘT SỐ THUẬT NGỮ



2.2.2. KHÁI NIỆM

KHÁI NIỆM



- + **Vốn chủ sở hữu:** là vốn góp của nhà đầu tư để thực hiện dự án PPP
- + **Nhà đầu tư:** là tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật có liên quan.
- + **Doanh nghiệp dự án:** là doanh nghiệp do một hoặc liên danh các nhà đầu tư

Hiện nay trên thế giới chưa có một định nghĩa thống nhất về thuật ngữ “*đối tác công tư*” (PPP). Mỗi quốc gia, mỗi tổ chức quốc tế đều có một cách hiểu riêng phù hợp với quá trình áp dụng của mình, mỗi quan điểm hướng đến một khía cạnh cần nhấn mạnh các đặc trưng của PPP. Bảng 1 trình bày các khái niệm về PPP theo cách hiểu của từng quốc gia, tổ chức.



PPP là sự thỏa thuận hợp tác trên cơ sở hợp đồng dài hạn giữa Nhà nước và khu vực tư nhân trong đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng và cung cấp dịch vụ công nhằm mục đích tận dụng lợi thế, chia sẻ rủi ro và lợi ích hợp lý giữa các bên tham gia trong dự án.

2.2.3. Các loại hợp đồng dự án thực hiện theo hình thức đối tác công tư (PPP)

Hiện nay, tại Việt Nam, hình thức đối tác công tư (PPP) có 8 loại hợp đồng sau [11]:

+ Thứ nhất, *Hợp đồng xây dựng - vận hành - chuyển giao BOT* (Build - Operate - Transfer) là hợp đồng được ký giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án để xây dựng công trình hạ tầng; sau khi hoàn thành công trình, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án được

quyền kinh doanh công trình trong một thời hạn nhất định; hết thời hạn, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án chuyển giao công trình đó cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

+ Thứ hai, *Hợp đồng BTO* (xây dựng - chuyển giao - vận hành) là hợp đồng được ký giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án để xây dựng công trình hạ tầng; sau khi hoàn thành công trình, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án chuyển giao cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền và được quyền kinh doanh công trình đó trong một thời hạn nhất định.

+ Thứ ba, *Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao* (hợp đồng BT) là hợp đồng được ký giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án (nếu có) để xây dựng công trình hạ tầng; sau khi hoàn thành công trình, nhà đầu tư chuyển giao công trình đó cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền và được thanh toán bằng quỹ đất, trụ sở làm việc, tài sản kết cấu hạ tầng hoặc quyền kinh doanh, khai thác công trình, dịch vụ để thực hiện Dự án khác.

+ Thứ tư, *Hợp đồng xây dựng - sở hữu - vận hành BOO* (Build - Own - Operate) là hợp đồng được ký giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án để xây dựng công trình hạ tầng; sau khi hoàn thành công trình, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án sở hữu và được quyền kinh doanh công trình trong một thời hạn nhất định; hết thời hạn, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.

+ Thứ năm, *Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao - Thuê dịch vụ* (hợp đồng BTL) là hợp đồng được ký giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án để xây dựng công trình hạ tầng; sau khi hoàn thành công trình, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án chuyển giao cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền và được quyền cung cấp dịch vụ trên cơ sở vận hành, khai thác công trình đó trong một thời hạn nhất định; cơ quan nhà nước có thẩm quyền thuê dịch vụ và thanh toán cho nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án.

+ Thứ sáu, *Hợp đồng Xây dựng - Thuê dịch vụ - Chuyển giao* (hợp đồng BLT) là hợp đồng được ký giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án để xây dựng công trình hạ tầng; sau khi hoàn thành công trình, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án được quyền cung

cấp dịch vụ trên cơ sở vận hành, khai thác công trình đó trong một thời hạn nhất định; cơ quan nhà nước có thẩm quyền thuê dịch vụ và thanh toán cho nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án; hết thời hạn cung cấp dịch vụ, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án chuyển giao công trình đó cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

+ Thứ bảy, *Hợp đồng Kinh doanh - Quản lý* (hợp đồng O&M) là hợp đồng được ký giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án để kinh doanh một phần hoặc toàn bộ công trình trong một thời hạn nhất định.

+ Thứ tám, *Hợp đồng hỗn hợp* là hợp đồng kết hợp các loại hợp đồng trên.

Trên Thế giới, có thêm 2 loại hợp đồng sau:

+ Thứ nhất, *Hợp đồng nhượng quyền khai thác* (*Franchise*) là hình thức mà theo đó cơ sở hạ tầng được nhà nước xây dựng và sở hữu nhưng giao (thường là thông qua đấu giá) cho tư nhân vận hành và khai thác

+ Thứ hai, *Hợp đồng thiết kế - xây dựng - tài trợ - vận hành DBFO* (*Design- Build - Finance - Operate*), khu vực tư nhân sẽ đứng ra xây dựng, tài trợ và vận hành công trình nhưng nó vẫn thuộc sở hữu nhà nước

2.2.4. Ưu điểm và nhược điểm của hình thức đối tác công tư (PPP)

2.2.4.1. Ưu điểm của hình thức đối tác công tư

+ Nhìn từ góc độ Nhà nước, ưu điểm lớn nhất của hình thức là giảm được gánh nặng cũng như rủi ro đối với ngân sách.

+ Hình thức đối tác công tư (PPP) sử dụng được những kỹ năng, công nghệ hiện đại và tính hiệu quả của khu vực tư nhân.

2.2.4.2. Nhược điểm của hình thức đối tác công tư

+ Dự án xây dựng theo hình thức PPP có khả năng yêu cầu về chi phí cao do các nhà đầu tư tư nhân kỳ vọng một suất sinh lợi cao hơn.

+ Hình thức PPP trong nhiều trường hợp có thể khiến khu vực Nhà nước mất quyền kiểm soát quản lý và vì vậy khó có thể chấp nhận trên góc độ chính trị.

+ Hình thức PPP tạo cơ hội để phát triển lợi ích nhóm trong khu vực Nhà nước, đây là rủi ro mang tính khách quan khó kiểm soát.

2.2.5. Đặc điểm, lợi ích của hình thức đối tác công tư (PPP)

ĐẶC ĐIỂM



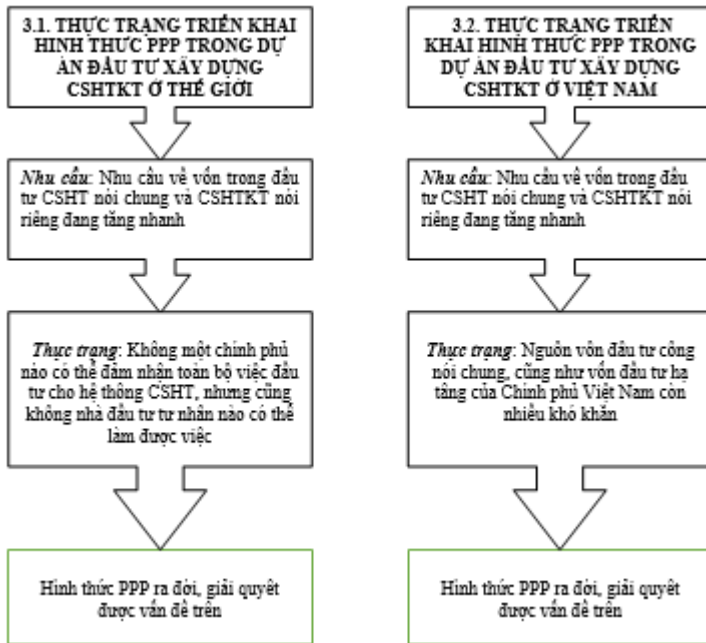
- + PPP là một cam kết hợp tác lâu dài (khoảng 10-50 năm) trong đó quyền lợi và trách nhiệm của các bên được phân bổ tương ứng với phần tham gia của mỗi bên.
- + PPP tạo ra cơ chế năng động trong việc phân công hợp lý giữa các bên trong hợp đồng dự án PPP (khu vực công và khu vực tư)
- + PPP khác với tư nhân hóa (trừ một số trường hợp đặc biệt). Tư nhân hóa đồng nghĩa với việc nhà nước thoát vốn (divesture) hay từ bỏ quyền sở hữu, quản lý và chuyển giao các quyền này cho nhà đầu tư tư nhân, đồng thời nhà nước quản lý thông qua luật lệ, quy định chuyên ngành

LỢI ÍCH

- + Nâng cao hiệu suất sử dụng nguồn lực
- + Cải thiện chất lượng tài sản và dịch vụ
- + Cải thiện về quản lý khu vực công
- + Cải thiện chung về mua sắm của khu vực công

CHƯƠNG 3: THỰC TRẠNG THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG KỸ THUẬT THEO HÌNH THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ (PPP) TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

3.1. Thực trạng triển khai hình thức đối tác công tư trong dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật trên thế giới và tại Việt Nam



3.2. Thực trạng triển khai hình thức đối tác công tư trong dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật tại Đà Nẵng

3.2.1. Nhu cầu

Một trong những khó khăn, thách thức chính trong việc đầu tư phát triển CSHTKT của thành phố hiện nay chính là nguồn vốn; cơ cấu vốn ngân sách thành phố phân bổ cho đầu tư xây dựng cơ bản hằng năm giai đoạn 2016-2020 chỉ đạt khoảng 5.000 tỷ đồng/năm. Mức vốn nêu trên còn thấp so với nhu cầu đầu tư xây dựng và phát triển của thành phố, để có được nguồn vốn phục vụ cho đầu tư phát triển, thành phố cần phải đẩy mạnh hơn nữa việc huy động nguồn lực đầu tư theo hình thức PPP.

Bảng 3.1. Tổng hợp nhu cầu về vốn ĐTXD CSHT ở thành phố Đà Nẵng từ năm 2015 – 2018

Bảng 3.1. Bảng tổng hợp nhu cầu vốn xây dựng CSHT ở thành phố Đà Nẵng

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu thống kê	Năm 2015 (theo QĐ 9037/QĐ- UBND 15/12/14)	2016 (theo QĐ 9169/QĐ- UBND 11/12/2015)	2017 (theo QĐ 8476/QĐ- UBND 10/12/2016)	2018 (QĐ 6898/QĐ- UBND 12/12/2017)
I	Tổng nguồn vốn	5.095.240	5.928.276	5.441.162	8.597.481
1	Vốn trong nước	4.979.240	5.287.276	4.495.420	6.429.200
1.1	Vốn ngân sách Trung ương	416.600	457.276	570.720	592.152
1.2	Vốn ngân sách Thành phố	4.562.640	4.830.000	3.924.720	5.837.048
2	Vốn nước ngoài	116.000	641.000	945.742	2.168.281
2.1	Vốn Trung ương hỗ trợ	-	-	476.762	1.387.081
2.2	Nguồn vay lại của Trung ương vay nước ngoài	-	-	468.980	781.200

Số liệu Bảng 3.1 cho thấy thực trạng nhu cầu ĐTXD CSHT ngày càng tăng, trong khi đó nguồn vốn từ Ngân sách Trung ương lại hạn chế, nhu cầu vốn vay nước ngoài ngày càng nhiều. Hình thức PPP chính là giải pháp hiệu quả cho đầu tư xây dựng CSHT tại thành phố Đà Nẵng. Việc đầu tư PPP xác định rất rõ vai trò, trách nhiệm, quyền lợi, cơ chế PBRR giữa nhà nước và nhà đầu tư trong hợp đồng PPP. Trong bối cảnh nhu cầu vốn đầu tư cho phát triển CSHT thành phố rất lớn trong khi nguồn ngân sách lại có giới hạn, nếu tất cả các dự án đầu tư của thành phố đều sử dụng 100% vốn ngân sách thì sẽ không có đủ nguồn lực; còn nếu chỉ có nhà đầu tư tư nhân làm dự án mà không có sự tham gia của Nhà nước thì mức độ rủi ro sẽ cao hơn. Chính vì thế, hình thức PPP là phương thức tốt, là công cụ hữu hiệu để huy động nguồn vốn cho phát triển trong bối cảnh hiện nay

3.2.2. Thực trạng

+ Trên địa bàn Thành phố, hình thức PPP đã được triển khai trong một thời gian tương đối dài, từ năm 2009 đến nay, các hợp đồng chủ yếu là Hợp đồng Xây dựng – Chuyển giao (BT)

+ Trong tổ số 60 dự án được kêu gọi theo hình thức đối tác công tư (PPP) tại Thành phố Đà Nẵng thì chỉ mới có 7 dự án đã hoàn thành và đã thanh quyết toán, 4 dự án đã thanh toán khối lượng, 6 dự án còn chuyển tiếp thực hiện tính đến thời điểm tháng 6/2018, còn lại 43 dự án đang chưa được triển khai. Hầu hết các dự án đã hoàn thành và dự án đang thực hiện chủ yếu được thực hiện theo hình thức hợp đồng BT thông qua phương thức đối đất để lấy dự án.

+ Do vậy, Thành phố cần có giải pháp và chính sách nhằm khuyến khích dự án PPP thực hiện đa dạng hơn với nhiều hình thức hợp đồng khác nhau nhằm khắc phục tình trạng cạn kiệt quỹ đất trong tương lai của Thành phố.

3.3. Thực trạng hệ thống pháp luật, cơ chế chính sách về hình thức PPP tại Việt Nam

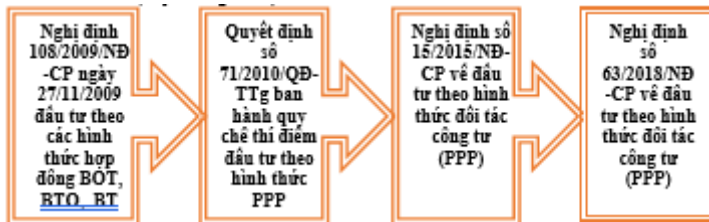
3.3.1. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về hình thức PPP

Hiện nay, trong khung pháp luật điều chỉnh hình thức PPP tại Việt Nam, có các văn bản có tính pháp lý cao nhất được thể hiện thông qua hình 3.1 sau



3.3.2. Hệ thống Quyết định và Nghị định về hình thức PPP

Hệ thống Nghị định liên quan đến hình thức đối tác công tư đã không ngừng được nghiên cứu, cải tiến và hoàn thiện qua các giai đoạn:



Nhìn chung, những điểm mới của Nghị định 63/2018/NĐ - CP chủ yếu hướng đến hoặc xoay quanh chủ thể là Nhà nước. Về phía nhà đầu tư và người sử dụng, không có thêm quy định quyền lợi, nghĩa vụ gì khác đáng kể so với nghị định cũ, ngoài việc một số nội dung được trình bày đầy đủ, rõ ràng, chặt chẽ và theo một trình tự hợp lý hơn, tạo cảm giác minh bạch hơn, tuy sự minh bạch về thông tin dự án lại không bị bắt buộc.

3.4. Thực trạng nhận thức về hình thức PPP trong đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật tại thành phố Đà Nẵng

Một nghiên cứu định lượng thực trạng nhận thức về hình thức PPP, nhận thức về RR và QLRR trong DAĐTXD CSHTKT theo hình thức PPP đã được thực hiện tại thành phố Đà Nẵng thông qua việc khảo sát 200 chủ

thể thuộc các bên có liên quan đến dự án PPP trong DAĐTXD CSHTKT tại thành phố Đà Nẵng do tác giả thực hiện thông qua phiếu khảo sát ở phụ lục 1

3.4.1. Thực trạng nhận thức chung

Trong số 200 đối tượng được điều tra khảo sát thì có 172 đối tượng (chiếm 86%) là đã biết đến hình thức PPP, còn 28 đối tượng (chiếm 14%) xác nhận là chưa bao giờ biết đến PPP.

Trong số 172 đối tượng biết đến PPP thì chỉ có 63 đối tượng đã từng tham gia dự án PPP. Hầu hết các đối tượng còn lại chưa bao giờ tham gia dự án PPP

Trong số 172 đối tượng biết đến PPP đều biết ít (89 đối tượng) chiếm 44,5% hay biết rất ít (41 đối tượng) chiếm 20,5% hoặc không biết gì (36 đối tượng) chiếm 18% đến các văn bản pháp quy liên quan đến hình thức PPP; chỉ có 34 đối tượng biết nhiều về các văn bản pháp quy liên quan đến hình thức PPP (chiếm 17%)

Trong số 172 đối tượng biết đến PPP đều biết ít (87 đối tượng) chiếm 43,5%; 52 đối tượng biết rất ít (chiếm 26%) hoặc 30 đối tượng không biết (chiếm 15%) đến những rủi ro trong quá trình thực hiện dự án PPP; chỉ có 31 đối tượng có biết (chiếm 15,5%) về những rủi ro trong quá trình thực hiện dự án PPP.

Như vậy, hầu hết các đối tượng được khảo sát có nhận thức chung về hình thức PPP còn rất thấp, hầu hết mới chỉ dừng lại ở việc đã từng nghe và biết về hình thức PPP, việc biết các văn bản pháp quy và các rủi ro liên quan đến hình thức PPP còn rất hạn chế. Nguyên nhân khách quan của vấn đề này là do sự tham gia thực tế trong các dự án theo hình thức PPP của các đối tượng còn hạn chế: Trong tổng số 200 đối tượng được khảo sát chỉ có 63 đối tượng đã từng tham gia, 34 đối tượng biết nhiều về các văn bản pháp quy liên quan đến hình thức PPP, 31 đối tượng có biết về những rủi ro trong quá trình thực hiện dự án PPP.

3.4.2. Thực trạng nhận thức đầy đủ

Qua khảo sát 200 đối tượng là các cá nhân thuộc các bên có liên quan đến DAĐTXD CSHT nói chung và CSHTKT nói riêng theo hình thức PPP tại thành phố Đà Nẵng, tác giả tổng hợp kết quả ở phụ lục 9. Qua phụ lục 9, tác giả nhận thấy rằng:

Trong tổng số 200 đối tượng được điều tra khảo sát thì có 172 đối tượng (chiếm 86%) là đã biết đến PPP, nhận thức được chủ yếu là thông qua các phương tiện thông tin đại chúng (có 123 đối tượng), qua hội thảo hội nghị (có 67 đối tượng), số rất ít (18 đối tượng) được biết qua bạn bè người thân và 40 đáp án chọn là biết đến PPP qua các kênh khác như do làm dự án, do học đại học,...; còn 28 (chiếm 14%) đối tượng xác nhận là chưa bao giờ biết đến PPP.

Trong số 172 đối tượng biết đến PPP thì chỉ có 63 đối tượng đã từng tham gia dự án PPP: 33 đối tượng đã từng tham gia 1 dự án, 25 đối tượng đã từng tham gia (3-5) dự án, số rất ít chỉ có 5 đối tượng đã từng tham gia trên 5 dự án. Hầu hết các đối tượng còn lại chưa bao giờ tham gia dự án theo hình thức PPP nào.

Trong số 172 đối tượng biết đến PPP thì có 137 đối tượng (chiếm 79,7%) nhận thức đúng về PPP, xem “ PPP Là hình thức đầu tư được thực hiện trên cơ sở hợp đồng giữa cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và Nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án để thực hiện, quản lý, vận hành dự án cơ sở hạ tầng, cung cấp dịch vụ công [10]”; số rất ít 35 đối tượng chiếm 18,6% cho rằng “PPP là hình thức xã hội hóa hay đơn thuần là sự phối hợp giữa Nhà nước và Nhà đầu tư để thực hiện dự án”, 1,7% xác nhận chưa nhận thức được chính xác PPP là gì.

Trong số 172 đối tượng biết đến PPP thì chủ yếu biết đến 3 loại hợp đồng phổ biến của PPP như BOT (163 đối tượng biết), BT (152 đối tượng biết đến), một số rất ít biết đến loại hợp đồng BTO, đa số không biết đến các hình thức hợp đồng còn lại của hình thức PPP như BOO, BTL, BLT, DBFO, O&M,...

Mặt khác, Trong số 172 đối tượng biết đến PPP đều cho rằng hiệu quả kinh tế xã hội là yếu tố quan trọng nhất trong quá trình ĐTXD theo hình thức PPP tại thành phố Đà Nẵng (có 142 đối tượng), bên cạnh đó hiệu quả tài chính được xem là yếu tố quan trọng thứ 2 (có 92 đối tượng), các yếu tố còn lại như cơ cấu nguồn vốn, chia sẻ rủi ro và thời gian chuyển nhượng ít được biết đến trong quá trình đầu tư theo PPP tại thành phố Đà Nẵng.

Hầu hết đối tượng đã từng nghe đến PPP đều cho rằng PPP là hình thức rất quan trọng (50 đối tượng) và quan trọng đối với sự phát triển của

thành phố Đà Nẵng (119 đối tượng), số rất ít chỉ 3 đối tượng cho rằng PPP không quan trọng hoặc không biết.

Trong 172 đối tượng đã từng nghe đến PPP, có 77 đối tượng (47,5%) cho rằng hình thức PPP chưa được quan tâm đúng mức tại thành phố Đà Nẵng

Nhìn chung, qua số liệu khảo sát các đối tượng, tác giả nhận thấy rằng: mặc dù hình thức PPP trong ĐTXD tại thành phố Đà Nẵng được xem là hình thức đầu tư rất quan trọng, tuy nhiên nhận thức đầy đủ về hình thức PPP trong ĐTXD tại thành phố Đà Nẵng lại còn rất hạn chế, hầu hết đối tượng khảo sát mới chỉ nhận thức được đúng khái niệm về PPP, còn những văn bản và quy định liên quan đến hình thức PPP lại không biết, biết rất ít hoặc ít biết. Hơn nữa, nhận thức về yếu tố quan trọng cần phải quan tâm trong dự án PPP trong xây dựng CSHTKT còn chưa biết đến nhiều. Điều này chứng tỏ nhận thức về hình thức PPP trong ĐTXD CSHTKT tại thành phố Đà Nẵng còn chưa được đầy đủ.

3.4.3. Thực trạng nhận thức về rủi ro và quản lý rủi ro

Hầu hết đối tượng được khảo sát đã từng nghe đến hình thức PPP đều biết ít (87 đối tượng) chiếm 43,5% những RR trong quá trình thực hiện dự án PPP; 52 đối tượng biết rất ít (chiếm 26%) và 30 đối tượng không biết (chiếm 15%) đến những RR trong quá trình thực hiện dự án PPP; chỉ có 31 đối tượng có biết (chiếm 15,5%) về những RR trong quá trình thực hiện dự án PPP.

Vấn đề chia sẻ RR rất ít đối tượng quan tâm và biết đến trong quá trình thực hiện dự án PPP tại thành phố Đà Nẵng (chỉ có 45 đối tượng biết trong tổng số 172 đối tượng đã từng nghe đến hình thức PPP (*Câu 5- Phần 1 – Phụ lục 2*))

Qua kết quả khảo sát, tác giả nhận thấy, thực trạng nhận thức chung và nhận thức đầy đủ về hình thức PPP tại thành phố Đà Nẵng là nguyên nhân khách quan khiến cho rất nhiều DAĐTXD CSHTKT theo hình thức PPP tại thành phố Đà Nẵng thực hiện không hiệu quả và nhiều dự án hiện chưa được triển khai và hiện thực hóa được trong thực tế.

3.5. Thực trạng công tác quản lý rủi ro trong dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật theo hình thức đối tác công tư (PPP) tại thành phố Đà Nẵng

3.5.1. Thực trạng công tác quản lý rủi ro tại Việt Nam nói chung

Tại Việt Nam, chỉ có một số rất ít các nhà nghiên cứu quan tâm nghiên cứu vấn đề QLRR trong DAĐTXD CSHTKT theo hình thức đối tác công tư ([30], [72]). Hầu hết các RR chỉ được xác định khi dự án gặp vấn đề, RR xuất hiện ở giai đoạn do bên nào quản lý thì bên đó chịu trách nhiệm xử lý, các RR không được phân bổ ngay từ đầu [30], vấn đề quản lý rủi ro được thực hiện một cách thụ động.

3.5.2. Thực trạng công tác quản lý rủi ro tại thành phố Đà Nẵng

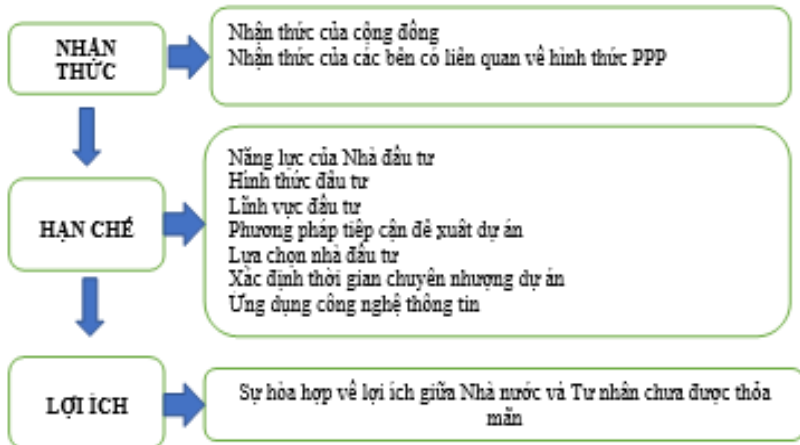
Tại thành phố Đà Nẵng, công tác QLRR của dự án thực hiện theo hình thức PPP chưa được quan tâm nghiên cứu. Trong tổng số 24 chuyên gia được phỏng vấn tại thành phố Đà Nẵng về QLRR các dự án PPP trong ĐTXD CSHTKT thông qua phiếu khảo sát ở phụ lục 10, hầu hết cho rằng RR chỉ được xác định khi dự án có gặp vấn đề về rủi ro, rủi ro xuất hiện ở giai đoạn do bên nào quản lý thì bên đó chịu trách nhiệm xử lý, phần lớn các rủi ro không được dự tính trước và không được phân bổ ngay từ đầu, tất cả các dự án BT thì hầu như rủi ro đều phân bổ cho Nhà đầu tư.

Qua kết quả khảo sát 24 chuyên gia theo mẫu khảo sát ở phụ lục 2, thuộc các bên có liên quan trong quá trình thực hiện dự án PPP (Nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án, Nhà nước, các tổ chức tài chính,...) trong ĐTXD CSHT nói chung và CSHTKT nói riêng tại thành phố Đà Nẵng có kinh nghiệm ít nhất 5 năm, đã từng hoặc đang tham gia thực hiện dự án PPP (ít nhất đã từng tham gia 3-5 dự án theo hình thức PPP tại thành phố Đà Nẵng), có biết nhiều về những rủi ro trong DAĐTXD theo hình thức PPP và những văn bản pháp quy liên quan đến hình thức PPP đã cho thấy thực trạng công tác QLRR trong DAĐTXD CSHTKT theo hình thức PPP tại thành phố Đà Nẵng được thể hiện thông qua bảng sau:

Bảng 3.2. Bảng tổng hợp kết quả nghiên cứu về QLRR trong DĐTĐ CSHTKT theo hình thức PPP ở thành phố Đà Nẵng

TT	Lãnh thổ/Quốc gia	Tên tác giả	Năm	Lĩnh vực Nghiên cứu	Phân loại RR	RR được nhận dạng	PB RR	Giải pháp xử lý RR	Phương pháp nghiên cứu
1	Đà Nẵng	Phạm Thị Trang	2018	CSHTKT	10 nhóm	59	Tỷ lệ phân bố: Nhà nước/Chia sẻ/Nhà đầu tư: 7/29/23	x	NCĐT, NCEĐL (24 chuyên gia)

3.6. Nhân tố ảnh hưởng đến việc triển khai thực hiện có hiệu quả dự án PPP trong ĐĐTĐ CSHTKT tại thành phố Đà Nẵng



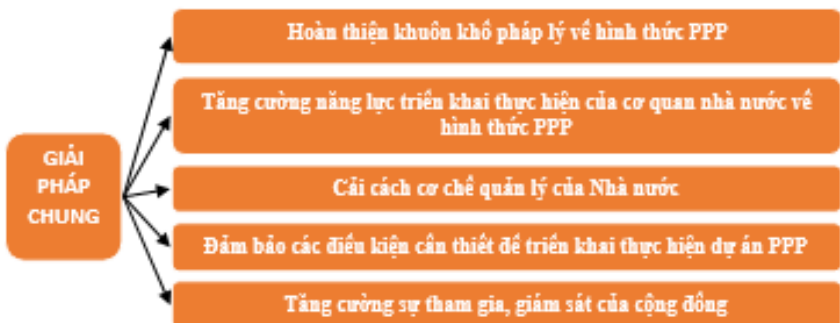
CHƯƠNG 4: GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG KỸ THUẬT THEO HÌNH THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ (PPP) TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với quan điểm và định hướng phát triển kinh tế, xã hội đến năm 2030 và tầm nhìn 2045: *Đà Nẵng phấn đấu trở thành thành phố xanh, hiện đại, thông minh, mang tính toàn cầu và có bản sắc. Thành phố xanh bao gồm cả môi trường xanh (green and blue), sản xuất xanh và lối sống xanh; thành phố hiện đại thông minh: Có CSHTKT và cơ chế quản lý hiện đại, ứng dụng công nghệ hiện đại trên nền tảng cách mạng công nghiệp 4.0; có khả năng và sức hút kết nối toàn cầu và bản sắc riêng là thành phố đáng sống, đáng nhớ.*

Trên cơ sở đó, thành phố Đà Nẵng đặt ra mục tiêu: *Phát triển kinh tế, xã hội phù hợp với định hướng phát triển của toàn vùng, của đất nước; thật sự là trung tâm kinh tế lớn và là một khu vực tăng trưởng mạnh của vùng duyên hải miền trung - Tây Nguyên.*

Với định hướng và mục tiêu phát triển của thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, việc nghiên cứu đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả triển khai thực hiện dự án PPP trong ĐTXD CSHTKT là thực sự cần thiết, góp phần phát triển CSHTKT, giải quyết được bài toán thiếu vốn của thành phố, thúc đẩy sự phát triển của thành phố trong tương lai.

4.1. Một số giải pháp chung nhằm nâng cao hiệu quả quá trình thực hiện dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật theo hình thức PPP

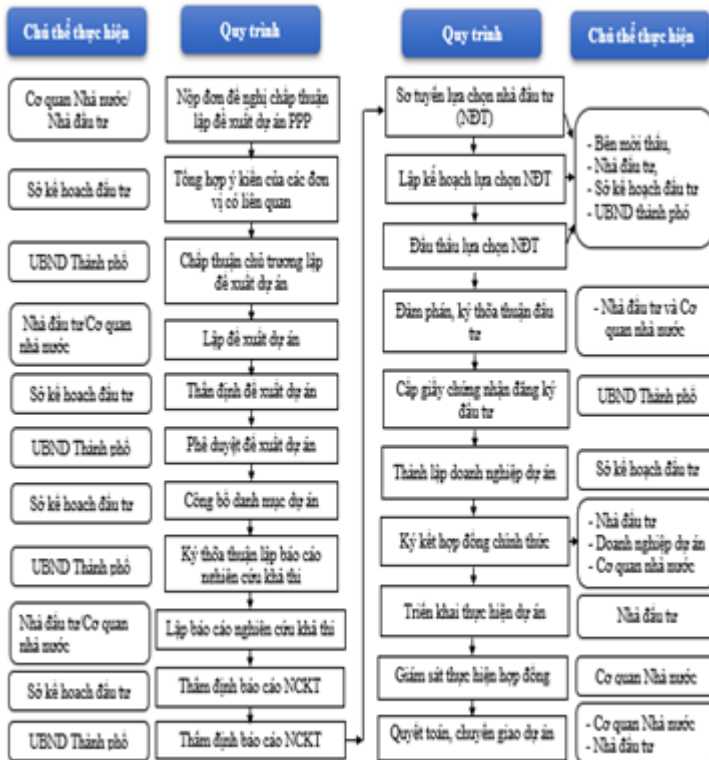


4.2. Giải pháp cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả quá trình thực hiện dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật theo hình thức PPP

4.2.1. Xây dựng quy trình thực hiện dự án đầu tư xây dựng theo hình thức đối tác công tư

Để có thể vận hành thực hiện dự án PPP trong ĐTXD CSHTKT tại thành phố Đà Nẵng một cách thuận tiện, việc xây dựng một quy trình hướng dẫn thực hiện dự án PPP là thực sự cần thiết, góp phần đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án PPP, giảm thiểu những rủi ro không cần thiết trong quá trình triển khai thực hiện dự án. Quy trình hướng dẫn triển khai thực hiện dự án PPP trong ĐTXD CSHTKT được thể hiện trong Hình 4.1

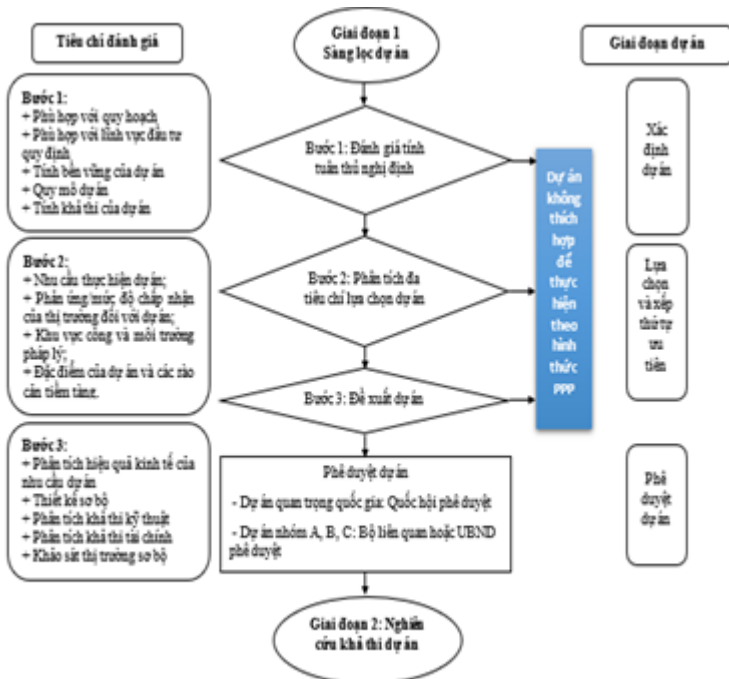
Với quy trình Hình 4.1, tác giả nhận thấy, thời gian để thực hiện dự án PPP từ khi nộp đơn đề nghị chấp thuận đề xuất dự án đến khi chính thức ký hợp đồng thực hiện dự án kéo dài từ 605 ngày đến 855. Thủ tục đầu tư kéo dài là một trong những nguyên nhân khiến cho nhiều dự án PPP không thu hút được nhà đầu tư. Do vậy, nhà nước cần xem xét đề xuất rút ngắn thời gian thực hiện dự án PPP để tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư khi thực hiện đầu tư dự án PPP



Hình 4.1. Quy trình hướng dẫn triển khai thực hiện dự án PPP trong DADTXD
CSHTKT tại thành phố Đà Nẵng

4.2.2. Xây dựng quy trình đánh giá lựa chọn dự án đầu tư theo hình thức PPP

Nhằm nâng cao hiệu quả trong việc lựa chọn dự án không phù hợp, việc xây dựng quy trình đánh giá lựa chọn dự án PPP là thực sự cần thiết, góp phần giúp Nhà nước có được danh sách dự án đầu tư theo hình thức PPP phù hợp. Quy trình đánh giá lựa chọn dự án đầu tư xây dựng theo hình thức PPP được thể hiện trong Hình 4.2



Hình 4.2. Quy trình hướng dẫn lựa chọn dự án thực hiện theo hình thức PPP

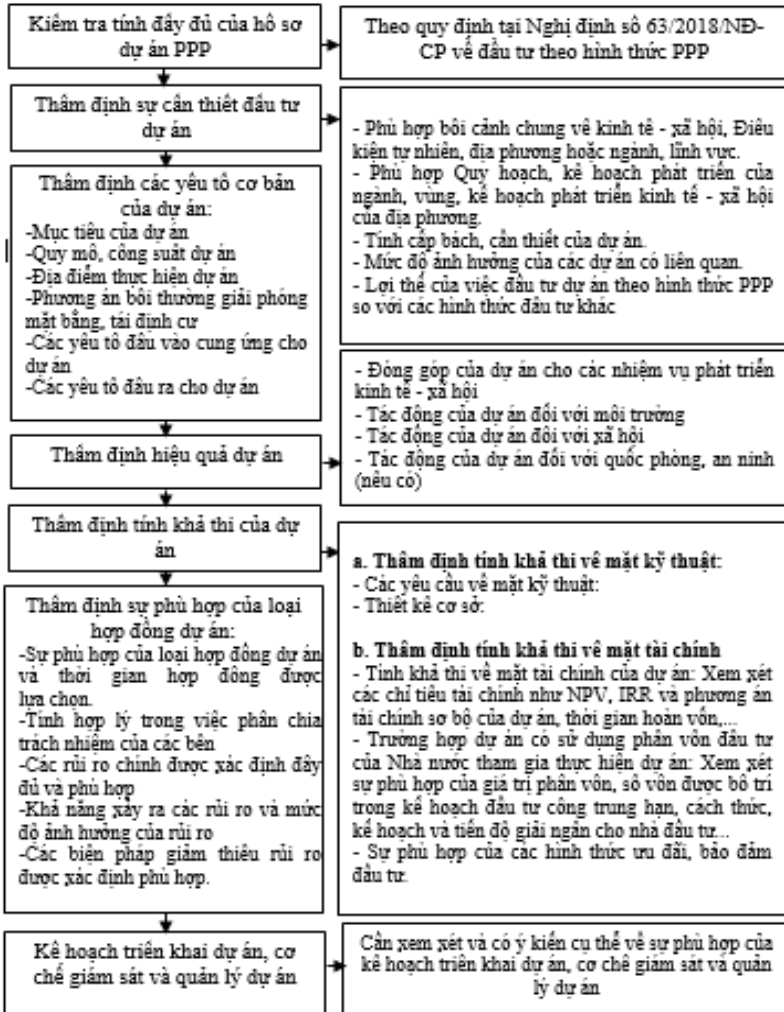
Để đánh giá lựa chọn dự án đầu tư phù hợp và chính xác, việc thiết lập bộ tiêu chí đánh giá là thực sự cần thiết. Tác giả đề xuất tiêu chí đánh giá cung để lựa chọn dự án PPP trong DAĐTXD CSHTKT theo hình thức PPP tại thành phố Đà Nẵng được thể hiện thông qua Bảng 4.1.

Bảng 4.1. Bảng tổng hợp tiêu chí đánh giá lựa chọn dự án theo hình thức PPP

TT	Tiêu chí đánh giá chung
A	Tiêu chí đánh giá sự tuân thủ về pháp lý
1	Phù hợp với quy hoạch
2	Phù hợp với lĩnh vực đầu tư quy định
3	Tính bền vững của dự
4	Quy mô dự án
5	Tính khả thi của dự án
B	Tiêu chí sàng lọc, xếp hạng dự án
1	Nhu cầu thực hiện dự án
2	Phản ứng/ mức độ chấp nhận của thị trường đối với dự án
3	Khu vực công và môi trường pháp lý

TT	Tiêu chí đánh giá chung
4	Đặc điểm của dự án và các rào cản tiềm tàng
5	Tính hấp dẫn của dự án
6	Mức độ dễ dàng triển khai

4.2.3. Xây dựng quy trình thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án



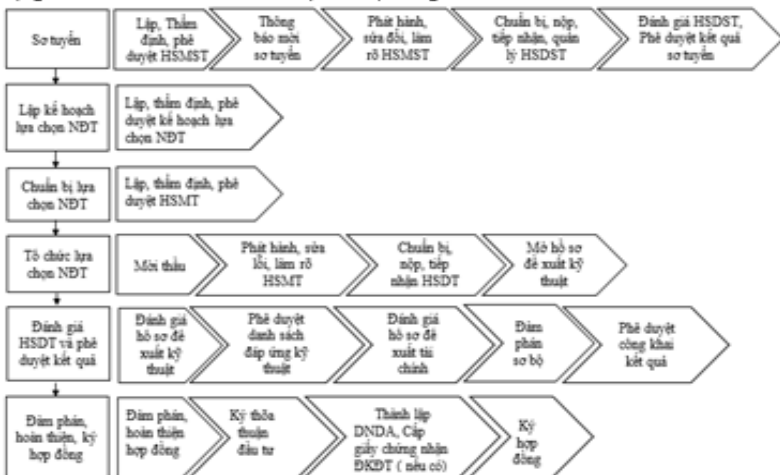
Hình 4.3. Quy trình hướng dẫn thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư xây dựng theo hình thức PPP

Nhằm nâng cao hiệu quả trong việc lựa chọn dự án không khả thi, việc xây dựng quy trình thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án PPP là thực sự cần thiết, góp phần giúp Nhà nước có được dự án đầu tư theo hình thức PPP có tính khả thi cao. Quy trình thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư theo hình thức PPP được thể hiện trong Hình 4.3

Việc thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án theo quy trình Hình 4.3 sẽ giúp cho cơ quan nhà nước lựa chọn được dự án có tính khả thi về kỹ thuật, khả thi về mặt tài chính, khả thi về mặt kinh tế - xã hội, lựa chọn được dự án có tính an toàn về mặt tài chính và có khả năng triển khai trong thực tế với hiệu quả cao.

4.2.4. Xây dựng quy trình đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư

Nhằm nâng cao hiệu quả trong việc đấu thầu và lựa chọn nhà đầu tư không phù hợp việc xây dựng quy trình hướng dẫn thực hiện công tác đấu thầu công bằng, minh bạch, khách quan để lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án PPP là thực sự cần thiết, góp phần giúp Nhà nước lựa chọn được nhà đầu tư có đủ kinh nghiệm, năng lực để triển khai thực hiện dự án có hiệu quả, giúp quản lý được rủi ro và giảm thiểu được rủi ro. Quy trình hướng dẫn đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng CSHTKT theo hình thức PPP được thể hiện trong Hình 4.4



Hình 4.4 Quy trình hướng dẫn đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng CSHTKT theo hình thức PPP

4.2.5. Đề xuất giải pháp chi tiết cho các bên có liên quan

Để nâng cao hiệu quả trong quá trình thực hiện dự án PPP trong ĐTXD CSHTKT tại thành phố Đà Nẵng, các bên liên quan cần quan tâm quản lý thực hiện các giải pháp sau:

*** Nhóm giải pháp đối với Chính phủ, Quốc hội:**

+ Cần hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về hình thức PPP đầy đủ, rõ ràng, đảm bảo tính minh bạch trong thiết lập và quản lý thực hiện dự án

+ Chính phủ và các bộ ngành phải công khai hóa thông tin, đảm bảo tính minh bạch trong quá trình thực hiện dự án theo hình thức PPP

+ Cần tăng cường quản lý và siết chặt công tác tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, cần có một hệ thống quy định và thủ tục toàn diện, thực hiện nghiêm các chế tài đối với các cơ quan có thẩm quyền trong trường hợp thẩm định sai năng lực của nhà đầu tư hoặc cố tình ưu ái cho các nhà đầu tư không đủ năng lực thực hiện dự án. Nâng cao năng lực của cán bộ thực hiện công tác đấu thầu

+ Cần nâng cao vai trò quản lý, kiểm soát dự án của Nhà nước trong công tác thanh tra, kiểm toán, quyết toán các dự án PPP

*** Nhóm giải pháp đối với thành phố Đà Nẵng:**

+ Cần có cơ chế hỗ trợ, sự cam kết của thành phố trong suốt quá trình thực hiện dự án: cam kết thanh toán một phần hoặc toàn bộ giá trị đầu tư bằng tiền cho nhà đầu tư, cam kết bảo lãnh doanh thu tối thiểu và thanh toán cho việc cung cấp dịch vụ, cam kết trong việc xử lý một cách thích hợp các thủ tục hành chính

+ Thành phố nên xây dựng quy trình quản lý, quy trình hướng dẫn triển khai thực hiện, kiểm soát toàn diện dự án PPP

+ Quy định chế tài xử phạt nghiêm minh khi vận hành dự án kém hiệu quả

+ Cần bảo đảm tránh các dự án cạnh tranh

+ Cần đảm bảo tính công bằng, công khai, minh bạch trong quá trình thực hiện dự án PPP. Lựa chọn dự án có tính khả thi, lựa chọn nhà đầu tư có đủ năng lực thực hiện dự án có hiệu quả.

+ Cần nâng cao nhận thức về hình thức PPP, nâng cao năng lực quản lý, đào tạo nghiệp vụ nhiều hơn, nên lựa chọn dự án khả thi để thực hiện

+ Cần ban hành bộ công cụ giám sát và quản lý hợp đồng phù hợp với từng ngành, lĩnh vực để hỗ trợ các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

+ Việc định lượng của cơ cấu vốn cần đảm bảo đầy đủ, minh bạch, sát thực với giá theo xu hướng của thị trường để tránh thiệt hại cho khu vực Nhà nước.

+ Xây dựng và hoàn thiện hệ thống dữ liệu có liên quan đến dự án PPP, dữ liệu về RR và QLRR trong quá trình thực hiện dự án theo hình thức PPP tại Thành phố Đà Nẵng

+ Nghiên cứu, ứng dụng CNTT trong công tác quản lý nói chung và QLRR nói riêng dự án thực hiện theo hình thức PPP tại Thành phố Đà Nẵng

+ Phân quyền và trách nhiệm cụ thể và chi tiết hơn nữa trong công tác quản lý dự án thực hiện theo hình thức PPP tại thành phố Đà Nẵng

*** Nhóm giải pháp cho Nhà đầu tư :**

+ Cần đảm bảo đủ năng lực để thực hiện dự án có hiệu quả. cần có chính sách huy động vốn theo đúng kế hoạch tiến độ

+ Cần thiết lập những cam kết và bảo lãnh chặt chẽ với Nhà nước và Thành phố trong quá trình thực hiện dự án theo hình thức PPP

+ Nhà đầu tư cần cân nhắc thỏa thuận đàm phán cấu trúc cấp vốn dự án phù hợp

+ Nhà đầu tư cần xây dựng hợp đồng chặt chẽ đảm bảo các yêu cầu về thời gian, chi phí và chất lượng tạo chế tài chặt chẽ

+ Nhà đầu tư cần tổ chức đấu thầu công khai, công bằng, minh bạch, chính xác để lựa chọn nhà thầu phù hợp

+ Nhà đầu tư cần nâng cao năng lực triển khai thực hiện dự án đúng quy định khi Nhà nước hoàn thành nghĩa vụ thanh toán

+ Nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý, vận hành, bảo trì dự án

+ Nên phân công rõ trách nhiệm của các đối tác trong hợp đồng thực hiện dự án PPP, xây dựng bản thỏa thuận cam kết chặt chẽ giữa các đối tác trong quá trình điều phối dự án

+ Thiết lập tốt mối quan hệ giữa các chủ thể có liên quan trong dự án PPP nhằm giải quyết xung đột nội bộ một cách thuận lợi, vận hành dự án hiệu quả.

+ Cần xây dựng quy trình quản lý, kiểm soát toàn diện dự án PPP

4.3. Ứng dụng công nghệ thông tin nhằm nâng cao hiệu quả của việc thực hiện dự án PPP trong đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật tại thành phố Đà Nẵng

Với quan điểm và định hướng phát triển kinh tế, xã hội đến năm 2030 và tầm nhìn 2045 của Đà Nẵng là: “*Đà Nẵng phấn đấu trở thành thành phố hiện đại, thông minh, mang tính toàn cầu và có bản sắc. Thành phố có kết cấu hạ tầng kỹ thuật và cơ chế quản lý hiện đại, ứng dụng công nghệ hiện đại trên nền tảng cách mạng công nghiệp 4.0.* Đô thị thông minh sẽ giúp nhà quản lý vận hành tất cả mọi công việc trên hệ thống CNTT. Đô thị thông minh với sự hỗ trợ của CNTT làm cho công tác QLDA: phân tích đánh giá RR nhằm mô phỏng RR, xác định cấu trúc vốn tối ưu, đánh giá xếp hạng mức độ RR, phân tích lựa chọn dự án PPP, thương lượng cân bằng lợi ích nhằm xác định thời gian chuyển nhượng dự án BOT trong dự án PPP trong DAĐTĐXD CSHTKT được thực hiện dễ dàng hơn, tạo môi trường đầu tư an toàn hơn và giúp Nhà nước có sự lựa chọn dự án hợp lý hơn và nhanh hơn. Việc ứng dụng CNTT hỗ trợ việc QLDA trong DAĐTĐXD CSHTKT theo hình thức PPP tại thành phố Đà Nẵng sẽ góp phần giải quyết những vấn đề sau:

+ *Đối với nhà nước và thành phố Đà Nẵng:* Giúp hỗ trợ ra quyết định nhanh chóng trong việc đánh giá lựa chọn dự án khả thi và an toàn về mặt tài chính theo quan điểm dự án, lựa chọn thời gian chuyển nhượng hợp lý cho Nhà nước trên cơ sở thỏa mãn lợi ích của Nhà đầu tư, hỗ trợ đánh giá và lựa chọn dự án PPP đồng thời xếp hạng được mức độ ảnh hưởng của các rủi ro trong dự án để thương lượng phân bổ rủi ro và đề xuất giải pháp xử lý nhằm giảm thiểu rủi ro kịp thời

+ *Đối với nhà đầu tư và tổ chức góp vốn:* Giúp hỗ trợ ra quyết định nhanh chóng trong việc đánh giá lựa chọn dự án khả thi và an toàn về mặt tài chính theo quan điểm của chủ sở hữu, xác định thời gian chuyển nhượng hợp lý cho Nhà nước trên cơ sở thỏa mãn lợi ích của Nhà đầu tư, hỗ trợ đánh giá và lựa chọn dự án PPP để đầu tư có hiệu quả, xếp hạng được mức độ ảnh hưởng của các RR để thương lượng phân bổ rủi ro và đề xuất giải pháp xử lý nhằm giảm thiểu rủi ro kịp thời.

4.3.1. Mục tiêu của chương trình

Hệ thống phần mềm phân tích đánh giá dự án PPP là một hệ thống hỗ trợ ra quyết định giúp giảm thiểu rủi ro trong quá trình thực hiện DAĐTĐXD

CSHTKT theo hình thức PPP. Phần mềm sử dụng ngôn ngữ lập trình VBA trên nền Excel có tích hợp các mô hình như: mô phỏng Monte Carlo, phân tích thứ bậc AHP, thương lượng win – win. Phần mềm hỗ trợ giúp nhà nước và nhà đầu tư tính toán hiệu quả tài chính của dự án và phân tích rủi ro tài chính của dự án PPP, qua đó tìm ra cấu trúc vốn tối ưu cho dự án; hỗ trợ nhà nước ra quyết định lựa chọn dự án, xếp hạng dự án CSHTKT theo hình thức PPP; hỗ trợ Nhà nước ra quyết định lựa chọn dự án một cách nhanh chóng thông qua việc thỏa thuận thời gian chuyển nhượng đảm bảo cân bằng về lợi ích cho các bên liên quan

Việc ứng dụng phần mềm QLDA theo hình thức PPP trong DAĐTXD CSHTKT tại thành phố Đà Nẵng sẽ mang lại những lợi ích sau:

+ *Đối với nhà nước và thành phố Đà Nẵng*: Giúp hỗ trợ ra quyết định nhanh chóng, xác định nhanh mức độ của rủi ro cho Nhà nước và thành phố Đà Nẵng nhằm đề xuất giải pháp xử lý giảm thiểu rủi ro kịp thời

+ *Đối với nhà đầu tư và tổ chức góp vốn*: Giúp hỗ trợ ra quyết định nhanh chóng, xác định nhanh mức độ của rủi ro cho nhà đầu tư hoặc tổ chức góp vốn nhằm đề xuất giải pháp xử lý giảm thiểu rủi ro kịp thời

+ Sau khi đã nhập đầy đủ số liệu, công cụ phần mềm sẽ tự động xử lý các số liệu và đưa ra kết quả cuối cùng là: các chỉ tiêu hiệu quả tài chính của dự án trước và sau mô phỏng rủi ro trên cơ sở hai quan điểm (quan điểm của dự án và quan điểm của chủ sở hữu) đồng thời xác định được cấu trúc góp vốn tối ưu; các thứ hạng ưu tiên của dự án qua đó giúp Nhà nước có được sự lựa chọn dự án phù hợp; thời gian chuyển nhượng hợp lý và khoảng thời gian xem xét để chuyển nhượng dự án.

+ Phần mềm xuất kết quả ra dưới dạng bảng tính Excel và bảng biểu để phục vụ cho công tác in ấn và lưu trữ.

+ Phần mềm hỗ trợ việc truy xuất dữ liệu một cách nhanh chóng, tiện lợi trên giao diện khá thân thiện với người dùng, tiết kiệm thời gian và chi phí.

4.3.2. Chức năng của chương trình

Phần mềm phân tích đánh giá dự án thực hiện theo hình thức PPP trong ĐTXD CSHTKT có những chức năng sau:

Chức năng hỗ trợ ra quyết định đầu tư nhanh chóng thông qua việc tính hiệu quả tài chính của DAĐTXD theo hình thức PPP trước và sau mô phỏng RR trên cơ sở hai quan điểm: quan điểm của dự án và quan điểm của

chủ sở hữu, qua đó xác định cấu trúc góp vốn tối ưu nhằm giảm thiểu các RR về tài chính cho dự án

Chức năng hỗ trợ ra quyết định thông qua việc lựa chọn dự án, xếp hạng DAĐTĐD CSHTKT theo hình thức PPP, qua đó giúp Nhà nước có được sự lựa chọn dự án phù hợp nhằm giảm thiểu rủi ro trong lựa chọn dự án. Ngoài ra, chức năng này có thể hỗ trợ xếp hạng mức độ ảnh hưởng của rủi ro và xếp hạng lựa chọn nhà thầu thực hiện dự án

Chức năng hỗ trợ Nhà nước ra quyết định lựa chọn dự án một cách nhanh chóng thông qua việc thỏa thuận thời gian chuyển nhượng dự án BOT trên cơ sở đảm bảo cân bằng về lợi ích cho các bên liên quan, giúp nhà nước giảm thiểu rủi ro về thời gian chuyển nhượng của dự án

4.3.3. Kết quả của chương trình

4.3.3.1. Chức năng tính toán hiệu quả tài chính của dự án PPP

a. Trình tự kiểm thử

Bước 1: Nhập thông tin cơ bản của dự án: tên dự án, loại dự án, địa điểm, chủ đầu tư, cấp công trình

Bước 2: Xác định thông số ban đầu của dự án: cơ cấu nguồn vốn (cấu trúc vốn), lãi suất, lạm phát

Bước 3: Nhập thông số tài chính của dự án: Thông số tài chính, các biến số của dự án (Thể hiện trong các hình: Hình 4.7; Hình 4.8; Hình 4.9 ở Phụ lục số 3)

Bước 4: Nhập số liệu dòng tiền doanh thu và chi phí của dự án

Bước 5: Phần mềm tự động tính dòng tiền ngân lưu ròng của dự án

Bước 6: Phần mềm tự động tính các chỉ tiêu hiệu quả như NPV, IRR, B/C, Thời gian hoàn vốn (PP)

b. Kết quả kiểm thử: Phụ lục 3

4.3.3.2. Chức năng phân tích rủi ro tài chính qua đó tối ưu hóa cấu trúc vốn

a. Trình tự kiểm thử

Bước 1: Nhập thông tin cơ bản của dự án: tên dự án, loại dự án, địa điểm, chủ đầu tư, cấp công trình

Bước 2: Xác định thông số ban đầu của dự án: cơ cấu nguồn vốn (cấu trúc vốn), lãi suất, lạm phát

Bước 3: Nhập thông số tài chính của dự án: Thông số tài chính, các biến số của dự án (Thể hiện trong các hình: Hình 4.15; Hình 4.16 ở Phụ lục

số 4)

Bước 4: Nhập số liệu dòng tiền doanh thu và chi phí của dự án

Bước 5: Khai báo hàm phân phối cho các biến ngẫu nhiên (khai báo hàm phân phối cho các biến số không chắc chắn, các thông số tài chính và các thông tin ban đầu của dự án). Xác lập các khoảng dao động cho các số ngẫu nhiên dựa vào bảng phân phối xác suất tích lũy.

Bước 6. Tạo các số giả ngẫu nhiên. Điều này được thực hiện nhờ vào bảng số ngẫu nhiên được lập sẵn hoặc nhờ vào các chương trình được cài đặt trong máy vi tính.

Bước 7 Tiến hành mô phỏng. Phần mềm tự động tính các chỉ tiêu hiệu quả như NPV, IRR, Thời gian hoàn vốn sau mô phỏng.

b. Kết quả kiểm thử: Phụ lục 4

4.3.3.3. Chức năng hỗ trợ ra quyết định phân tích thứ bậc đa tiêu chí AHP để lựa chọn, xếp hạng dự án xây dựng CSHTKT theo hình thức PPP

a. Trình tự kiểm thử

Bước 1: Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá trên cơ sở ý kiến của chuyên gia

Bước 2: Xác định mức độ ưu tiên cho các tiêu chí thông qua việc so sánh các tiêu chí trên cơ sở sử dụng thang điểm từ 1 đến 9

Bước 3: Phần mềm sẽ tính toán trọng số cho các tiêu chí và độ nhất quán của các tiêu chí. Trên cơ sở đó sẽ tự động tính thông số: Hệ số giá trị riêng ma trận so sánh λ_{max} , Chỉ số nhất quán CI và Tỷ lệ nhất quán CR. Trên cơ sở CR tính được, nhà quản lý có sự điều chỉnh hợp lý sao cho tỷ số CR nhỏ hơn hoặc bằng 0,1 nhằm đảm bảo tính tương đối nhất quán trong đánh giá của chuyên gia.

Bước 4: Phần mềm sẽ hỗ trợ tính điểm tổng hợp cho các phương án, qua đó giúp lựa chọn phương án phù hợp

b. Kết quả kiểm thử: Phụ lục 5

4.3.3.4. Chức năng hỗ trợ thương lượng theo mô hình Win – Win nhằm xác định thời gian chuyển nhượng của dự án cơ sở hạ tầng kỹ thuật theo hình thức PPP

a. Trình tự kiểm thử

Bước 1: Nhập các yếu tố đầu vào tùy theo từng loại dự án

Bước 2: Phân tích các thông số có phụ thuộc vào các biến số không

chắc chắn. Các biến số không chắc chắn được các chuyên gia thống kê và phân tích để tìm ra quy luật biến thiên theo một hàm phân phối nào đó. Các biến số không chắc chắn: lãi suất, tỉ lệ lạm phát, tỉ giá, sản lượng tiêu thụ,...

Bước 3: Tiến hành tính toán các thông số tài chính của dự án. Từ các thông số tài chính tính toán được, ta xây dựng và đánh giá dòng ngân lưu dự án

Bước 4: Đánh giá hiệu quả tài chính của dự án.

Hiệu quả tài chính của dự án được đánh giá theo các chỉ tiêu như: NPV, IRR, T_{hv} . Sau quá trình đánh giá nếu dự án không hiệu quả thì trở lại bước 1 tiến hành thay đổi các thông số đầu vào của dự án. Nếu dự án được đánh giá là hiệu quả thì tiếp tục sang bước 5.

Bước 5: Dòng ngân lưu của dự án bị ràng buộc bởi các biến số không chắc chắn (đã được xác định bằng các phân phối xác suất ở bước 2). Từ đó ta thiết lập các biến đầu vào và biến dự báo cho mô phỏng crystal ball.

Tính toán T_c : T_c được xác định bằng cách giải quyết các hàm mục tiêu Min ($NPV_c - NPV_g$).

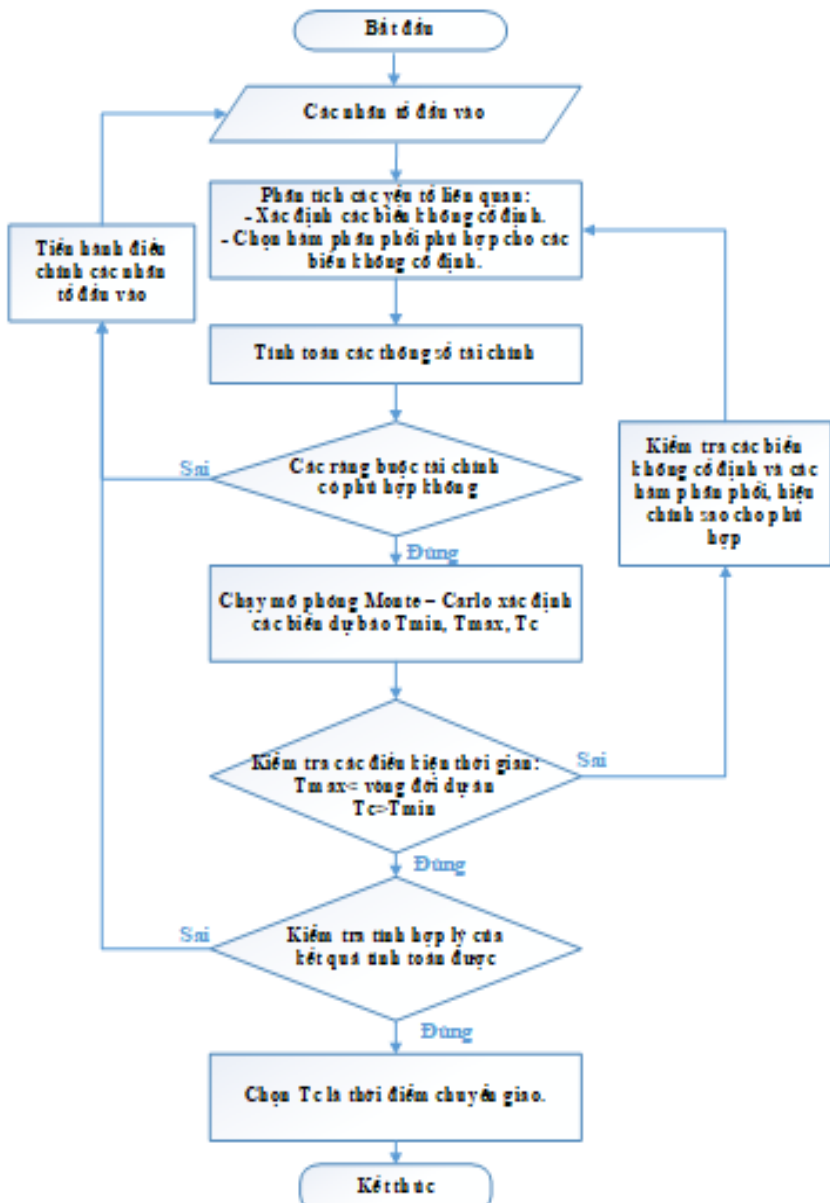
Bước 6: Từ các bảng phân phối xác suất của T_{min} , T_{max} , T_c , tiến hành kiểm tra điều kiện $T_c > T_{min}$ và $T_{max} <$ vòng đời dự án. Nếu 2 điều kiện này cùng thỏa mãn thì tiến hành bước 7. Nếu không thì quay lại bước 2, kiểm tra lại các hàm phân phối được chọn cho các biến không xác định đã phù hợp chưa và thương lượng điều chỉnh lại các thông số.

Bước 7: Kiểm tra sự phù hợp. Người kiểm định với kinh nghiệm sẽ xem xét sự phù hợp giữa T_{min} , T_{max} , T_c để quyết định có quay lại bước 1 để thương lượng điều chỉnh thông số dự án hay không? (Khi T_{min} và T_{max} cách nhau 1 khoảng thời gian dài sẽ gây khó khăn trong quyết định lựa chọn thời gian chuyển nhượng cho dự án).

Bước 8: Kết thúc. Sau khi xem xét sự phù hợp giữa T_{min} , T_{max} và T_c , nhà đầu tư và nhà nước sẽ quyết định thời gian chuyển nhượng sẽ giao động trong khoảng thời gian $[T_c; T_{min}]$.

b. Quy trình kiểm thử: Sơ đồ quy trình kiểm thử công cụ hỗ trợ thương lượng thời gian chuyển nhượng dự án BOT theo hình thức PPP được thể hiện thông qua Hình 4.5

c. Kết quả kiểm thử: Phụ lục 6



Hình 4.5. Sơ đồ quy trình kiểm thử phần mềm lựa chọn thời điểm chuyển nhượng dự án BOT

KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Để nâng cao hiệu quả trong việc thực hiện các DAĐT XD CSHTKT theo hình thức đối tác công tư tại thành phố Đà Nẵng nhằm thu hút các nhà đầu tư tiềm năng vào thành phố Đà Nẵng, biến các dự án đầu tư theo hình thức PPP tại thành phố Đà Nẵng sớm trở thành hiện thực, vấn đề nhận thức được thực trạng và đề xuất được giải pháp cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện dự án PPP là hai vấn đề cốt lõi cần được quan tâm nghiên cứu trong các DAĐT XD CSHTKT theo hình thức PPP tại thành phố Đà Nẵng. Đề tài “*Nghiên cứu đề xuất nhóm giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của việc thực hiện các dự án theo hình thức đối tác công tư (PPP) trong đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật tại thành phố Đà Nẵng*” là thực sự cần thiết và có ý nghĩa thực tiễn. Đề tài có những điểm mới đóng góp cơ sở lý luận và thực tiễn về QLDA trong DAĐT XD CSHTKT theo hình thức PPP tại thành phố Đà Nẵng. Đề tài đã giải quyết được một số nội dung như sau:

Một là hệ thống hóa, làm rõ và bổ sung cơ sở lý luận và thực tiễn về quản lý dự án trong dự án đầu tư xây dựng CSHTKT theo hình thức PPP

Hai là, Phân tích thực trạng công tác triển khai thực hiện dự án PPP trong DAĐT XD CSHTKT theo hình thức PPP tại Việt nam nói chung và thành phố Đà Nẵng nói riêng

Ba là, Đề xuất giải pháp có tính khoa học và khả thi nhằm hoàn thiện công tác triển khai thực hiện dự án trong ĐTXD CSHTKT theo hình thức PPP tại thành phố Đà Nẵng

Bốn là, Nghiên cứu đề xuất xây dựng phần mềm ứng dụng để QLDA có hiệu quả trong DAĐT XD CSHTKT theo hình thức đối tác công tư

2. Kiến nghị

Trên cơ sở các kết quả nghiên cứu thu được, để QLDA có hiệu quả cho các DAĐT XD CSHTKT theo hình thức đối tác công tư tại thành phố Đà Nẵng, các bên có liên quan cần nghiên cứu kỹ các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả triển khai thực hiện dự án PPP trong ĐTXD CSHTKT, thực hiện đảm bảo các vấn đề sau:

Thứ nhất là đối với Chính phủ, Quốc hội:

+ Cần hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về hình thức PPP

+ Phải công khai hóa thông tin, đảm bảo tính minh bạch trong quá

trình thực hiện dự án theo hình thức PPP

+ Nhà nước cần tăng cường quản lý quá trình triển khai thực hiện dự án, cần có một hệ thống quy định và thủ tục toàn diện, thực hiện nghiêm các chế tài đối với các cơ quan có thẩm quyền thẩm định sai

Thứ hai là đối với thành phố Đà Nẵng:

+ Cần có cơ chế hỗ trợ, sự cam kết của thành phố trong suốt quá trình triển khai thực hiện dự án

+ Cần xây dựng và công bố quy trình hướng dẫn triển khai thực hiện dự án

+ Quy định chế tài xử phạt nghiêm minh khi vận hành dự án kém hiệu quả

+ Cần nâng cao nhận thức về hình thức PPP, nâng cao năng lực quản lý, đào tạo nghiệp vụ nhiều hơn, nên lựa chọn dự án khả thi để thực hiện

+ Xây dựng và hoàn thiện hệ thống dữ liệu có liên quan đến dự án PPP, dữ liệu về RR và QLRR trong quá trình thực hiện dự án theo hình thức PPP tại Thành phố Đà Nẵng

+ Nghiên cứu, ứng dụng CNTT trong phân tích đánh giá rủi ro nhằm QLRR có hiệu quả

Thứ ba là đối với Nhà đầu tư:

+ Nhà nước cần lựa chọn nhà đầu tư có đủ kinh nghiệm và năng lực để triển khai thực hiện và vận hành dự án

3. Hướng phát triển của Đề tài

Với kết quả nghiên cứu của Đề tài, tác giả mong muốn hoàn thiện chương trình phần mềm QLDA, cụ thể là xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về những RR đã được nhận dạng trong DAĐTXD CSHTKT theo hình thức PPP tại thành phố Đà Nẵng gồm: tên RR; loại RR; Mức độ ảnh hưởng của RR; Phân bổ RR cho ai; giải pháp cụ thể nhằm giảm thiểu RR đó. Tích hợp cơ sở dữ liệu về RR và hệ thống các công cụ ứng dụng tự động hóa các mô hình phân tích định lượng để phân tích rủi ro nhằm đề xuất giải pháp quản lý RR một cách nhanh chóng và hiệu quả. Qua đó, hoàn thiện chương trình phân tích, tính toán và quản lý rủi ro nhằm giúp hỗ trợ xử lý nhanh quá trình tính toán và thương lượng, đàm phán RR trong các DAĐTXD CSHTKT theo hình thức PPP được thực hiện một cách nhanh chóng, hiệu quả, tiết kiệm thời gian và chi phí. Sau đó, đề xuất nghiên cứu ứng dụng không chỉ cho thành phố Đà Nẵng mà cho cả Nước Việt Nam nói chung.